

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1709** /BTC-PTHT  
V/v lấy ý kiến hồ sơ dự thảo  
Nghị định quy định về quyết  
toán vốn đầu tư dự án

Hà Nội, ngày **10** tháng 02 năm 2026

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Ngày 10/12/2025, Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 (**có hiệu lực từ 01/7/2026**) và tại Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Xây dựng đã giao Bộ Tài chính chủ trì, xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án (**Thời hạn trình: tháng 4 năm 2026**).

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025); Bộ Tài chính đề nghị quý cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia đối với hồ sơ Dự thảo Nghị định nêu trên để Bộ Tài chính hoàn thiện trước khi trình Chính phủ ban hành theo quy định.

Hồ sơ lấy ý kiến được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính.


Văn bản góp ý đề nghị quý cơ quan, đơn vị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 25/02/2026.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng Website);
- Cục CNTT (để đăng Website);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính);
- Lưu: VT, Vụ PTHT (25).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Thành Trung**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án**  
**(Gửi Bộ Tư pháp thẩm định)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Xây dựng, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án theo những nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

**1.1. Cơ sở chính trị**

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đặt ra một trong năm nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV: “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”. Đồng thời, Đại hội đã xác định một trong các đột phá chiến lược cần tập trung trong nhiệm kỳ: “Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực trở thành lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí tuân thủ của Nhân dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương”.

- Ngày 6/1/2026, tại Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung triển khai nhiệm vụ: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ,

*quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh”.*

- Ngày 18/11/2024, tại văn bản số 108-KL/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng, Tổng bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo phải đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy và quy trình xây dựng pháp luật. Trong đó, tư duy xây dựng pháp luật phải chuyển đổi theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, phải phản ánh hơi thở thực tiễn, bám sát, giải quyết vấn đề thực tiễn. Đối với quy trình xây dựng pháp luật phải đảm bảo dân chủ, minh bạch, kịp thời, khả thi, hiệu quả, để áp dụng trên thực tế, tiết kiệm thời gian, nâng cao “*năng suất và chất lượng*” xây dựng pháp luật.

- Ngày 25/10/2024, tại công văn số 868/TTg-TKBT, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật, chính sách đáp ứng và bám sát yêu cầu thực tiễn, xây dựng các quy định pháp luật phù hợp vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không nóng vội để mất thời cơ; thường xuyên đánh giá hiệu quả chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập mâu thuẫn; chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “*điểm nghẽn*” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật.

- Tại điểm 3.2 Điều 3 Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Quốc hội chỉ đạo: “*Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*”.

- Tại điểm 1 Mục II Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp: “*Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh*”.

- Tại điểm b mục 1 phần I của Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu: “*Thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương trong việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; chủ động đề xuất các lĩnh vực ưu tiên, cấp*

*bách để đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.*

## **1.2. Cơ sở pháp lý**

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, trong đó Quốc hội đã giao Chính phủ quy định chi tiết về quyết toán vốn đầu tư dự án (khoản 4 Điều 94 giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung tại Điều 79).

- Khoản 2 Điều 79 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 quy định: *Dự án, công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng hoặc dừng chủ trương đầu tư hoặc tạm ngừng, hủy bỏ thực hiện dự án theo văn bản của người có thẩm quyền thì phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng.*

- Điều 7<sup>1</sup> Luật số 90/2025/QH15 quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong công tác quyết toán như sau: *Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.*- Khoản 2 Điều 13<sup>2</sup> Luật Ngân sách nhà nước quy định: *Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ.*

- Khoản 2 Điều 27<sup>3</sup> Luật Ngân sách nhà nước quy định: *Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính - ngân sách, pháp luật về kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước.*

- Khoản 2 và khoản 6 Điều 6<sup>4</sup>, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:

*“2. Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.*

*6. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.”*

Tại điểm h khoản 3 Mục II Kế hoạch triển khai thi hành Luật Xây dựng kèm theo Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 23/01/2026<sup>5</sup>, Thủ tướng Chính phủ

<sup>1</sup> Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công.

<sup>2</sup> Kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

<sup>3</sup> Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính.

<sup>4</sup> Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công.

<sup>5</sup> Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Xây dựng.

đã giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Như vậy, trong thực tiễn để bảo đảm tài sản hình thành từ việc đầu tư các dự án được quản lý đầy đủ, chính xác, làm căn cứ hạch toán và quản lý theo quy định, bảo đảm nguyên tắc của các văn bản pháp luật nêu trên và thống nhất quy định: (i). Theo tính chất dự án, gồm dự án có cấu phần xây dựng (theo pháp luật xây dựng), dự án không có cấu phần xây dựng (theo pháp luật NSNN, pháp luật đầu tư công); (2). Theo vốn đầu tư dự án, gồm dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác,....

Trong thời gian vừa qua, để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (gồm các dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 và hiện nay là Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định quyết toán vốn đầu tư đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công. Thông tư số 27/2025/TT-BTC ngày 22/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công<sup>11</sup> (theo nhiệm vụ được giao tại các Nghị định của Chính phủ<sup>12</sup>). Ngoài ra, việc quyết toán cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Hiện nay khoản 7 Điều 7, khoản 5 Điều 8, khoản 5 Điều 32 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Điều 42 dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số Điều của Luật Ngân sách

<sup>11</sup> Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công, bao gồm: Dự án sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước, dự án của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước; dự án sử dụng vốn vay do Chính phủ bảo lãnh theo Luật Quản lý nợ công; dự án của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; dự án sử dụng vốn nhà nước khác theo quy định pháp luật có liên quan; trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công (khoản 7 Điều 3 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1 Điều 1 Thông tư).

<sup>12</sup> Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng giao Bộ Tài chính: *Hướng dẫn việc quyết toán vốn nhà nước ngoài đầu tư công*; khoản 38 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước giao Bộ Tài chính: *Chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành hướng dẫn theo thẩm quyền quy định về thanh toán, quyết toán các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước*.



nhà nước và khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 khoản 4 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước đều có quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án.

Như vậy, quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án nằm rải rác ở rất nhiều Nghị định, Thông tư, dẫn đến tình trạng khó tra cứu, dễ nhầm lẫn. Do vậy, việc xây dựng Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án nhằm thống nhất quy trình, trình tự thực hiện đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng vốn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khác là cần thiết, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định tại luật liên quan; đồng thời, đối với các dự án của doanh nghiệp nhà nước và các dự khác sẽ quy định theo hướng có thể áp dụng quy định tại Nghị định để lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành để tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đề cao trách nhiệm giải trình của các doanh nghiệp theo đúng tinh thần Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Nghị định quy định đầy đủ, toàn diện và thống nhất trong việc quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công).

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Bảo đảm tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật và Thông báo số 108/TB-VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật; (iii) Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026<sup>13</sup>; (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15

<sup>13</sup> Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đầu tư, kinh doanh để giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển; đưa thể chế trở thành “đột phá của đột phá” và lợi thế cạnh tranh quốc gia; nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành chính sách, pháp luật; chú trọng công tác giải thích pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật. Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, nhất là các nghị quyết chiến lược mới ban hành; xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp... Hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững các loại thị trường (tài chính, chứng khoán, khoa học, công nghệ, lao động, bất động sản...). Kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; không để phát sinh mới thủ tục, quy định kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật không phù hợp, thiếu tính khả thi... Đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV<sup>14</sup>; (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

- Kế thừa, hoàn thiện các quy định về quyết toán vốn đầu tư công dự án đã áp dụng ổn định, phát huy hiệu quả trên thực tế và vẫn bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các luật khác có liên quan; bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý về quyết toán vốn đầu tư đối với dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, xây dựng...

- Bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ giữa quy định tại Nghị định với các pháp luật khác có liên quan như pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, ...

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Căn cứ nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 (nêu trên), Bộ Tài chính đã có văn bản số /BTC-PTHT ngày /02/2026 gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức, cá nhân, đồng thời gửi Cổng thông tin điện tử Chính phủ để đăng tải và đăng công khai trên trang điện tử của Bộ Tài chính.

Đến ngày / /2026, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của các bộ, ngành; ý kiến của địa phương, ý kiến của doanh nghiệp, ý kiến của độc giả.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân, Bộ Tài chính đã hoàn thiện Dự thảo Nghị định (*Chi tiết tổng hợp, tiếp thu ý kiến theo Phụ lục kèm theo*).

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định quyết toán vốn đầu tư đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ (dự án hoặc chi phí) chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch (sau đây gọi chung là dự án) sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) sau khi hoàn thành hoặc dừng, tạm ngừng, hủy bỏ (sau đây gọi chung là dừng) theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

<sup>14</sup> Yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”.

Vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) là nguồn vốn ngân sách được sử dụng cho các nhiệm vụ chi quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm b, điểm d khoản 1, khoản 9 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước.

### **1.2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện.

### **2. Bộ cục của dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định được xây dựng với kết cấu 05 Chương, bao gồm 30 Điều, cụ thể như sau :

(1) Chương I. Quy định chung (02 Điều).

(2) Chương II. Quy định cụ thể (19 Điều).

(3) Chương III. Kiểm tra, xử lý vi phạm (02 Điều).

(4) Chương IV. Nhiệm vụ của các cơ quan liên quan (04 Điều).

(3) Chương V. Điều khoản thi hành (03 Điều).

### **3. Nội dung cơ bản của Nghị định**

#### **3.1. Các nội dung kế thừa Nghị định số 254/2025/NĐ-CP**

Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa cơ bản quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và Thông tư số 27/2025/TT-BTC; chỉ thay đổi một vài từ cho phù hợp với tên gọi Nghị định và phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định

#### **3.2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nội dung phân quyền, phân cấp so với Nghị định số 254/2025/NĐ-CP**

##### **a) Bổ sung phạm vi điều chỉnh của Nghị định**

- Bổ sung dự án sử dụng vốn sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước; vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công.

**Lý do:** Phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Luật xây dựng số 135/2025/QH15<sup>15</sup>.

- Bổ sung giải thích rõ phạm vi của vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công, gồm các nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 37<sup>16</sup> và điểm b, điểm d khoản 1,

<sup>15</sup> c) Dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công thực hiện theo các quy định đối với dự án đầu tư công tại Luật này;

<sup>16</sup> Điều 37. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển:

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của trung ương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.



khoản 9 Điều 39<sup>17</sup> Luật Ngân sách nhà nước để tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Bổ sung quy định các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể áp dụng quy định tại Nghị định này để lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư, dự án đầu tư khác không sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư<sup>18</sup> và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Lý do:** Phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Luật xây dựng số 135/2025/QH15<sup>19</sup>.

b) Điều chỉnh quy định về kiểm toán độc lập của dự án sử dụng vốn đầu tư nhóm B, C (tại điểm a khoản 3 Điều 34 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP) theo hướng bỏ quy định các dự án sử dụng vốn đầu tư công còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định đấu thầu kiểm toán độc lập (việc đấu thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu).

**Lý do:** Tăng cường phân cấp, phân quyền cho chủ đầu tư và phù hợp với các quy định về thẩm quyền của chủ đầu tư tại Điều 40 Luật Đấu thầu được sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 22 Điều 1<sup>20</sup> Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Bổ sung quy định về chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định theo hướng đối với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết

<sup>17</sup> Điều 39. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

1. Chi đầu tư phát triển:

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật này.

**Điều 9. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách**

5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trừ các trường hợp sau đây:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

<sup>18</sup> Việc quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 312/2025/NĐ-CP ngày 06/12/2025 của Chính phủ.

<sup>19</sup> d) Dự án đầu tư xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư, dự án đầu tư xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này (sau đây gọi là dự án đầu tư kinh doanh).

<sup>20</sup> Theo đó thu tư xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư, dự án đầu tư xây dựng khác không thuộc t

toán đối với giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có giá trị dưới 05 tỷ đồng thì tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được tính bằng 0,57% giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm nghìn đồng.

**Lý do:** Thống nhất với dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia đã được Chính phủ đồng ý cho áp dụng<sup>21</sup> và để phù hợp với tình hình thực tế nhiều dự án sử dụng vốn chỉ thường xuyên có tổng mức đầu tư nhỏ.

d) Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với những dự án chủ đầu tư và nhà thầu đã ký quyết toán A-B trước khi Nghị định này có hiệu lực thì không phải ký lại quyết toán A-B theo quy định tại Nghị định này.

**Lý do:** Để tránh tình trạng chủ đầu tư và nhà thầu đã ký quyết toán A-B phải ký lại Quyết toán A-B khi Nghị định này có hiệu lực.

#### **4. Đánh giá về thủ tục hành chính**

Tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quyết toán dự án hoàn thành, quy định 01 thủ tục hành chính nội bộ về thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công đã được Bộ Tài chính công bố tại Quyết định số 3494/QĐ-BTC ngày 15/10/2025.

Tại Nghị định mới quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án tiếp tục quy định về 01 thủ tục hành chính nội bộ, trên cơ sở kế thừa và điều chỉnh, bổ sung thủ tục hành chính tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, quy định thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án theo phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Nghị định này. Việc xây dựng Nghị định mới không làm phát sinh tăng thủ tục hành chính.

### **V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)**

Nội dung này sẽ có sau khi Bộ Tư pháp thẩm định nội dung dự thảo.

### **VI. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

#### **1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế**

Dự thảo Nghị định không có nội dung trái với các điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### **2. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh**

Dự thảo Nghị định không có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

#### **3. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định**

<sup>21</sup> Điều 58 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

Dự kiến khi Nghị định được ban hành, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương sử dụng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực hiện có để thực hiện. Việc thi hành Nghị định không gây phát sinh nguồn lực mới về nhân lực và cơ sở vật chất; không phát sinh trình tự, thủ tục, yêu cầu mới so với quy định trước đây. Do vậy, các nguồn lực về tài chính và nhân lực bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được ban hành.

#### **4. Điều kiện bảo đảm việc thi hành Nghị định**

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tập huấn triển khai nội dung Nghị định. Nguồn kinh phí thực hiện phổ biến, tập huấn triển khai nội dung Nghị định từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

### **VII. KIẾN NGHỊ**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*(Bộ Tài chính xin gửi kèm theo: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (iii) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (iv) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; (v) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc; (vi) Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (vii) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và tổ chức có liên quan)./.*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, PTHT (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Thành Trung**

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO 1**  
**09/02/2026****NGHỊ ĐỊNH****Quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;  
Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14;  
Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 141/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2017/QH14;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;  
Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án.

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định quyết toán vốn đầu tư đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ (dự án hoặc chi phí) chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch (sau đây gọi chung là dự án) sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) sau khi hoàn thành hoặc dừng, tạm ngừng, hủy bỏ (sau đây gọi chung là dừng) theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) là vốn ngân sách nhà nước sử dụng cho các nhiệm vụ chi theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm b, điểm d khoản 1, khoản 9 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

2. Dự án, công trình, hạng mục công trình sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công): thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định này, trừ dự án có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Dự án có nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành: căn cứ đơn giá hiện vật, giá trị ngày công lao động hoặc giá trị công trình hoàn thành được quyết toán để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.

Dự án thực hiện theo hình thức sử dụng vốn để hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng, các hình thức hỗ trợ hiện vật khác: các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quyết toán phần vốn hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị thực hiện và của Nhà nước.

3. Các dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ: Thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án theo Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết, Nghị định hướng dẫn riêng của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. Trường hợp không có quy định tại Điều ước quốc tế, Nghị định và Thông tư hướng dẫn riêng thì thực hiện theo Nghị định này.

4. Nghị định này không quy định việc quyết toán vốn đầu tư dự án đối với dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp tại văn bản quy phạm pháp luật có dẫn chiếu thực hiện theo Nghị định này. 77 11  
tại k5 Đ  
vng và

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể áp dụng quy định tại Nghị định này để lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án đối với các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 3. Vốn đầu tư được quyết toán**

Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện (bao gồm cả các chi phí thanh toán hợp đồng bảo hiểm, lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán) trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng hoặc dừng thực hiện theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí đã thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Quyết toán vốn đầu tư dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập**

1. Trường hợp tại văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư dự án có phân chia dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng độc lập hoặc được phân kỳ đầu tư) và có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt: mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập. Dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại.

Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án thành phần chính hoặc làm đầu mối tổng hợp dự án chịu trách nhiệm báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính khi dự án hoàn thành toàn bộ.

2. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

a) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí vốn kế hoạch chuẩn bị đầu tư trong chi phí của dự án đầu tư được duyệt để triển khai thực hiện dự án, việc quyết toán riêng nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc quyết toán chung với dự án đầu tư do người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư quyết định.

b) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí kế hoạch vốn riêng, (khi) phải quyết toán như tiểu dự án độc lập và tổng hợp quyết toán dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thì các khoản chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án đã thực hiện được quyết toán như dự án dừng thực hiện.

3. Đối với bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Trường hợp trong chủ trương đầu tư dự án nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập: việc báo cáo



quyết toán vốn đầu tư dự án và thẩm tra quyết toán thực hiện như một dự án đầu tư độc lập.

b) Đối với các trường hợp còn lại: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và gửi quyết định phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án của toàn bộ dự án.

c) Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, thì đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án (sau khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp) có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quản lý đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán, trừ trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư toàn bộ dự án yêu cầu thẩm tra lại chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán.

Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giao đơn vị chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý (đối với cấp xã không tổ chức phòng) chủ trì thẩm tra quyết toán và quy định cụ thể thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đảm bảo không được làm ảnh hưởng đến chủ đầu tư dự án khi lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án.

4. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng độc lập) hoàn thành đưa vào sử dụng của dự án đầu tư: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định. Giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến công trình, hạng mục công trình đó. Sau khi dự án hoàn thành toàn bộ hoặc dừng thực hiện, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán được duyệt của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

5. Đối với dự án có toàn bộ dự án thành phần, tiểu dự án, công trình hoặc hạng mục xây dựng và thiết bị đã hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng nhưng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa hoàn thành: chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho phép thực hiện báo cáo quyết toán chi phí đã thực hiện dự án để gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thẩm tra; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quyết toán là giá trị hợp pháp đã thực hiện. Trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp tục thực hiện bổ sung, việc quyết toán chi phí bổ sung thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.

6. Các nội dung liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 5. Báo cáo quyết toán**

1. Báo cáo phải xác định đầy đủ, chính xác các nội dung sau:

- a) Chi tiết vốn đầu tư.
- b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán.
- c) Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư.
- d) Chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản.
- đ) Giá trị tài sản hình thành.

2. Bộ Tài chính ban hành hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án và hướng dẫn các nội dung liên quan.

#### **Điều 6. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán**

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán cũng là thủ trưởng của cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán thì chỉ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Hồ sơ là bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính hoặc bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc văn bản điện tử theo quy định của pháp luật, bao gồm các tài liệu sau:

1. Đối với dự án đầu tư hoàn thành, công trình, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư dừng thực hiện có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

b) Mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

c) Các văn bản pháp lý có liên quan.

d) Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là quyết toán A - B) theo Mẫu số 01/QTDA ban hành kèm theo Nghị định này; biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

đ) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (nếu có).

e) Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.

g) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.

2. Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, văn bản phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong văn bản chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

b) Mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

c) Các văn bản pháp lý có liên quan.

d) Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có), các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), quyết toán A - B theo Mẫu số

01/QTDA (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

d) Báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

4. Đối với dự án dừng thực hiện:

Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án ban hành văn bản cho phép dừng thực hiện dự án sau khi có văn bản cho phép dừng chủ trương đầu tư dự án của cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư). Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, khối lượng, số liệu thanh toán tại ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện dự án, chủ đầu tư thực hiện lập quyết toán chi phí đã thực hiện của dự án để gửi thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại Nghị định này.

5. Trường hợp nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định, căn cứ hợp đồng chủ đầu tư có văn bản (theo Mẫu số 02/QTDA ban hành kèm theo Nghị định này) yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng hoặc hoàn thành các nội dung công việc để quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện. Sau khi chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 (mỗi văn bản cách nhau 10 ngày) đến nhà thầu, nhưng nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu, chủ đầu tư được căn cứ hồ sơ thực tế đã thực hiện để lập hồ sơ quyết toán (không cần quyết toán A-B) và xác định giá trị đề nghị quyết toán trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án. Chủ đầu tư ghi rõ nội dung nhà thầu không hợp tác để quyết toán trong Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán. Nhà thầu không thực hiện quyết toán chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền.

#### **Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán**

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) giao cơ quan, đơn vị mình quản lý.

Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán đối với dự án thành phần, tiểu dự án độc lập không sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước,

vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công).

b) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

c) Trong và sau quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp được thực hiện theo các trường hợp sau:

Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp tỉnh quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh nhận bàn giao dự án sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp xã quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp xã nhận bàn giao sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

d) Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về tổ chức chính phủ, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật khác có liên quan.

## 2. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.

b) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: Đối với cấp xã có tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn có chức năng về tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra; đối với cấp xã không tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra.

c) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án trước khi phê duyệt.

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án quyết định thành lập Tổ thẩm tra để thực hiện thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án trước khi trình phê duyệt. Thành phần của Tổ thẩm tra gồm đại diện có thẩm

quyền của các đơn vị, cơ quan có liên quan. Nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm tra do người có thẩm quyền thành lập Tổ quyết định.

đ) Riêng đối với các nhiệm vụ, dự án đầu tư các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này, chủ đầu tư căn cứ báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, trình người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án; không yêu cầu thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán

#### **Điều 8. Kiểm toán báo cáo quyết toán:**

1. Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước) sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công phải kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và giao kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng. Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Nhà thầu kiểm toán độc lập là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực kiểm toán hiện hành.

3. Đối với các dự án được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra:

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra làm căn cứ để thẩm tra; không phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán.

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này, căn cứ khoản 1 Điều này chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung trong trường hợp cần thiết. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định



chi phí thuê kiểm toán độc lập quy định tại Điều 19 Nghị định này. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán sử dụng báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra và báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập làm căn cứ để thẩm tra quyết toán dự án.

Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra có quyết định kiểm toán, thanh tra dự án khi nhà thầu kiểm toán độc lập đang thực hiện hợp đồng kiểm toán thì nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện hợp đồng kiểm toán theo đúng nội dung của hợp đồng đã giao kết.

**Điều 9. Thẩm tra quyết toán đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã thực hiện kiểm toán, thanh tra**

1. Trường hợp nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán độc lập, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.

b) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của dự án với nội dung kiểm toán theo quy định và chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Trường hợp kết quả kiểm toán có sai sót, không đảm bảo yêu cầu, không đủ nội dung theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.

c) Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.

d) Xem xét những kiến nghị của kiểm toán mà chủ đầu tư không thống nhất với kết quả kiểm toán của nhà thầu kiểm toán độc lập.

đ) Kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án.

2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này:

a) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra với báo cáo quyết toán của chủ đầu tư để xác định việc tuân thủ các quy định pháp luật của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan; số liệu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với kết quả kiểm toán, thanh tra làm cơ sở để trình người có thẩm quyền xem xét khi phê duyệt quyết toán.

b) Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật.

3. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ

quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, điều tra để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định.

**Điều 10. Thẩm tra quyết toán đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình không kiểm toán, thanh tra**

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16 Nghị định này và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án gồm những nội dung như sau:

1. Hồ sơ pháp lý.
2. Vốn đầu tư dự án.
3. Chi phí đầu tư.
4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản.
5. Giá trị tài sản hình thành.
6. Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng.
7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác (nếu có).
8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị:

a) Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công, xây dựng và đấu thầu; công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản của chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án.

b) Xác định giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và xử lý các vấn đề có liên quan.

**Điều 11. Thẩm tra hồ sơ pháp lý**

Căn cứ báo cáo, các văn bản pháp lý liên quan của dự án, đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan để có nhận xét về:

1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản.
2. Việc chấp hành trình tự đầu tư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và xây dựng.
3. Việc chấp hành trình tự lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
4. Việc tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng trong giao kết hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

**Điều 12. Thẩm tra vốn đầu tư dự án**

1. So sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện của dự án với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức đầu tư được duyệt.
2. Đối chiếu số liệu vốn giải ngân hằng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán.
3. Kiểm tra việc thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định.

4. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc quản lý, thanh toán; việc quản lý và sử dụng các loại vốn đầu tư dự án.

### **Điều 13. Thăm tra chi phí đầu tư**

#### **1. Nguyên tắc thăm tra:**

a) Thăm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; loại hợp đồng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu). Kiểm tra số liệu tổng hợp chi phí và các khoản mục do chủ đầu tư lập trong báo cáo quyết toán.

b) Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thăm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã nghiệm thu theo quy định.

#### **2. Thăm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:**

a) Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt, dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt, danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán. Việc lập, phê duyệt dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Giá trị công trình xây dựng đã có quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền: căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền, văn bản yêu cầu thanh toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình xây dựng và chứng từ thanh toán để xác định giá trị chi phí đã đầu tư. Trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán đầu tư dự án yêu cầu thăm tra thì việc thăm tra thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

#### **3. Thăm tra chi phí:**

##### **a) Đối với chi phí thực hiện thông qua hợp đồng:**

Căn cứ từng loại hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu theo quy định tại pháp luật về xây dựng, đấu thầu, hợp đồng để kiểm tra, đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện, đơn giá trong bảng tính giá trị quyết toán A - B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng, đơn giá theo quy định tại hợp đồng, để xác định giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo quy định.

Trường hợp có điều chỉnh về khối lượng, đơn giá, chính sách của Nhà nước: Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, nguyên tắc

điều chỉnh khối lượng, đơn giá ghi trong hợp đồng, các chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.

Trường hợp phát sinh chi phí: Căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng tương ứng với từng loại hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan để thẩm tra.

b) Đối với chi phí thực hiện không thông qua hợp đồng:

Đối với các khoản chi phí tính theo định mức tỷ lệ phần trăm: Kiểm tra, đối chiếu các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.

Đối với các khoản chi phí tính theo dự toán chi tiết được duyệt: Kiểm tra, đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt để đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí.

4. Thẩm tra chi phí quản lý dự án:

a) Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Việc xử lý tài sản của chủ đầu tư, ban quản lý dự án khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật có liên quan.

#### **Điều 14. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản**

1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung:

a) Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại.

b) Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, tư vấn giám sát, nhà thầu bảo hiểm kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.

2. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản như: chi phí đào tạo, tăng cường và nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý hoặc cộng đồng; chi phí các ban quản lý dự án không liên quan trực tiếp đến tài sản được hình thành và bàn giao ở các địa phương; chi phí đầu tư thiệt hại do nguyên nhân chủ quan như khối lượng đầu tư bị hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi phí đã thực hiện, không xảy ra thiệt hại, có tạo ra sản phẩm nhưng sản phẩm đó không được sử dụng cho dự án như kết quả khảo sát, thiết kế đã hoàn thành, đạt chất lượng nhưng không được sử dụng do chủ đầu tư thay đổi thiết kế; chi phí đầu tư dở dang (dự án dừng thực hiện) không hình thành tài sản; chi phí sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai không được hạch toán tăng giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quản lý sử dụng tài sản công.

### **Điều 15. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành**

1. Xác định số lượng và giá trị tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, công trình hoặc hạng mục công trình độc lập.

2. Tiêu chuẩn tài sản, phân loại tài sản, phân bổ giá trị, nguyên giá tài sản và xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 16. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng**

1. Thẩm tra xác định công nợ:

a) Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư, số tiền đã thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để xác định rõ từng khoản phải thu, phải trả theo đúng đối tượng.

b) Xem xét kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước nhưng chưa nộp, số dư tiền gửi, tiền mặt tại quỹ để kiến nghị biện pháp xử lý.

2. Kiểm tra xác định giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng:

a) Kiểm tra giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế.

b) Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng.

c) Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật có liên quan.

### **Điều 17. Thẩm tra quyết toán đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu**

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.

2. Thẩm tra vốn đầu tư dự án.

3. Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí so với hợp đồng (nếu có), dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

4. Thẩm tra công nợ của dự án.

5. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản.

6. Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án (nếu có).

7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).

8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.

### **Điều 18. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán**

1. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm:

a) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.

b) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình).

c) Hồ sơ khác khi người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán yêu cầu.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán gồm các nội dung chính sau:

a) Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án.

b) Tóm tắt kết quả thẩm tra theo đúng trình tự thẩm tra quy định tại Nghị định này.

c) Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

d) Kiến nghị giải quyết các tồn tại về vốn đầu tư, tài sản và công nợ, vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án.

3. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan thanh toán (hoặc cơ quan được ủy quyền kiểm soát, thanh toán đối với dự án đầu tư bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công).

#### **Điều 19. Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán**

Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán là chi phí thuộc nội dung chi phí khác trong tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc điều chỉnh) của dự án, giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án.

1. Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Trường hợp dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập có giá trị nằm trong khoảng giá trị nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này thì tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập, tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định theo công thức sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$$

Trong đó:

K<sub>i</sub>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là phần trăm).

K<sub>a</sub>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận trên (đơn vị tính là phần trăm).

K<sub>b</sub>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận dưới (đơn vị tính là phần trăm).



Gi: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là tỷ đồng).

Ga: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần trên (đơn vị tính là tỷ đồng).

Gb: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần dưới (đơn vị tính là tỷ đồng).

b) Chi phí kiểm toán độc lập:

Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	$\leq 5$	10	50	100	500	1.000	$\geq 10.000$
Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069

Chi phí (dự toán gói thầu, giá gói thầu) kiểm toán độc lập của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và cộng với thuế giá trị gia tăng. Chi phí kiểm toán độc lập tối thiểu là một triệu đồng và cộng với thuế giá trị gia tăng.

c) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	$\leq 5$	10	50	100	500	1.000	$\geq 10.000$
Tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)	0,57	0,39	0,285	0,225	0,135	0,09	0,048

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm nghìn đồng.

d) Chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng  $\geq 50\%$  trong giá trị cần thuê kiểm toán độc lập hoặc giá trị quyết toán do chủ đầu tư lập thì chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 70% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

đ) Kiểm toán độc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, định mức chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này cho chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

e) Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã được nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán hoặc cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này: chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại khoản 1 Điều này.

## 2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 20 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được hưởng theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán chuyển trả chủ đầu tư số tiền đã thanh toán vượt để giảm trừ giá trị quyết toán của dự án.

Chủ đầu tư đề nghị cơ quan thanh toán thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán được xác định tại khoản 1 Điều này.

b) Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:

(i) Chi trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán theo hình thức khoán chi hoặc theo thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án.

(ii) Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn.

(iii) Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

(iv) Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt báo cáo quyết toán.

c) Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện hằng năm cho đến khi quy chế được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

d) Nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không phải thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương; không hạch toán chung và không quyết toán chung với nguồn kinh phí quản lý hành chính hằng năm của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán nếu chưa sử dụng hết trong năm, được phép chuyển sang năm sau để thực hiện.

Trên cơ sở nguồn thu và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập ủy nhiệm chi (Mẫu số 05.b/TT ban hành kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công) để đề nghị thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo các nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này gửi cơ quan thanh toán để thanh toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán không phải gửi chứng từ chi, hợp đồng, hóa đơn mua sắm đến cơ quan thanh toán. Căn cứ đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, cơ quan thanh toán thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

3. Trường hợp chủ đầu tư đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo hợp đồng kiểm toán nhưng nhà thầu kiểm toán độc lập vẫn không thực hiện một số nội dung công việc, chủ đầu tư căn cứ điều kiện hợp đồng và khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện để điều chỉnh giảm chi phí kiểm toán độc lập theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện.

4. Trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc của hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu kiểm toán độc lập căn cứ các quy định của pháp

luật về hợp đồng để điều chỉnh bổ sung hoặc loại trừ những nội dung công việc của hợp đồng đã ký.

**Điều 20. Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án**

Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:

Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng
Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	05 tháng	04 tháng
Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày

1. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện dự án đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

2. Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án được tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 6 Nghị định này) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

3. Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án được tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

**Điều 21. Báo cáo tình hình quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm**

1. Số liệu báo cáo năm được tổng hợp từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Trước ngày 20 tháng 01 hằng năm, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (là cấp dưới của các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo tình hình quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công năm báo cáo đến cơ quan được các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp báo cáo. Chậm nhất đến hết ngày 28 tháng 02 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán của dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính để tổng hợp công khai tình hình quyết toán của dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm của cả nước.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định hiện hành.

### **Chương III** **KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 22. Kiểm tra tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án**

1. Cơ quan chủ quản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bộ Tài chính định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong cả nước. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, Bộ Tài chính có ý kiến yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 23. Xử lý vi phạm**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi trong quyết toán vốn đầu tư dự án sai quy định tại Nghị định này bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

### **Chương IV** **NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN**

#### **Điều 24. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán**

1. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp

a) Bộ Tài chính giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quyết toán vốn đầu tư dự án. Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án và hướng dẫn các nội dung liên quan. Chủ trì, phối

hợp với các bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

b) Cơ quan tài chính các cấp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyết toán vốn đầu tư dự án thuộc phạm vi quản lý của mình và các đơn vị cấp dưới. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, yêu cầu đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra điều chỉnh lại cho đúng, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

## 2. Nhiệm vụ của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán

a) Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án kịp thời, đầy đủ theo quy định tại Nghị định này.

b) Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định tại Nghị định này; hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán vốn đầu tư dự án; chịu trách nhiệm về kết quả trực tiếp thẩm tra quyết toán trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

c) Không chịu trách nhiệm về tính chính xác về khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn giá trúng thầu ghi trong hợp đồng..

d) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, hợp pháp của nội dung chi và giá trị khi đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán từ nguồn chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

e) Thực hiện quy định về báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

g). Yêu cầu cơ quan thanh toán, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

## **Điều 25. Nhiệm vụ của cơ quan thanh toán**

1. Xác nhận, đối chiếu số liệu giải ngân để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư dự án theo đề nghị của chủ đầu tư.

2. Thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

## **Điều 26. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan**

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định.

2. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo đúng thời gian quy định.



3. Công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định

4. Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý phối hợp với chủ đầu tư xử lý các nội dung còn tồn tại của dự án (nếu có) và hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án trong thời gian 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

**Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu**

1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án:

a) Đôn đốc, yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định.

b) Lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án, trình phê duyệt quyết toán đúng thời gian quy định tại Điều 20 Nghị định này; cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán về tính chính xác của khối lượng, đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khối lượng, đơn giá trúng thầu do chủ đầu tư phê duyệt; tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán.

d) Thu hồi nộp về ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán thừa khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư có số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, thu hồi số vốn đã tạm ứng theo quy định và chịu trách nhiệm về những khoản tạm ứng quá hạn chưa thu hồi. Thanh toán tiếp cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp theo giá trị quyết toán được phê duyệt khi có kế hoạch vốn trong trường hợp số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán cho dự án.

2. Nhà thầu:

a) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về hợp đồng khi hoàn thành nội dung công việc trong hợp đồng; chịu trách nhiệm về số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định.

b) Phối hợp với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã giải ngân sai chế độ quy định.

c) Chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của người có thẩm quyền.

3. Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, có quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 28. Xử lý chuyển tiếp**

1. Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã nộp hồ sơ quyết toán về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các hợp đồng kiểm toán độc lập đã ký trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Quyết toán A-B đã được chủ đầu tư và nhà thầu ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì không phải lập lại và ký lại theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 29. Tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

#### **Điều 30. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ cụm từ “quyết toán dự án hoàn thành” tại điểm a và các quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 13 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Bãi bỏ Điều 58 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Bãi bỏ các nội dung quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, như sau:

a) Khoản 3 Điều 1; khoản 7 Điều 50; khoản 2 Điều 52; điểm e, g, h khoản 1 Điều 53; điểm a, c khoản 2 Điều 53; khoản 4 Điều 53.

b) Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47.

c) Cụm từ “quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành” tại khoản 2, khoản 4 Điều 48; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 50.

d) Cụm từ “quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành” tại điểm b khoản 6 Điều 50.

đ) Bãi bỏ Mẫu số 03.c/QT tại Phụ lục Hệ thống biểu mẫu.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG GIỮA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU (QUYẾT TOÁN A - B)**

- 1. Tên dự án: .....
- 2. Tên gói thầu: .....
- 3. Hợp đồng (gồm cả hợp đồng điều chỉnh, bổ sung, phục lục hợp đồng (nếu có)):.....
- 4. Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án: .....
- 5. Nhà thầu: .....
- 6. Căn cứ xác định: Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành của toàn bộ hợp đồng hoặc Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành từng lần của hợp đồng (trong trường hợp hợp đồng dừng thực hiện khi chưa hoàn thành toàn bộ hợp đồng); Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (nếu có)

STT	Tên công việc (gồm công việc, giai đoạn, bộ phận/hàng hóa/thiết bị/tư vấn/chi phí khác) theo hợp đồng	Khối lượng hoàn thành			Đơn giá theo HĐ/PLHĐ (đồng)	Giá trị đề nghị quyết toán (đồng)	Ghi chú
		Đơn vị tính	Theo HĐ/PLHĐ	Quyết toán			
1	2	3	4	5	6	7 = 5*6	8
A	THEO HỢP ĐỒNG (HĐ)/ PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG (PLHĐ)						
1	Trong HĐ ban đầu (bao gồm cả khối lượng tăng, giảm các công việc trong HĐ ban đầu)						
	...						
2	Công việc phát sinh được bổ sung ngoài HĐ ban đầu theo quy định (nếu có)						
	...						
B	ĐIỀU CHỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC (THUẾ, PHÍ,...)						
	...						
C	ĐIỀU CHỈNH THEO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN (THANH TRA, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC,...) trong trường hợp chưa giảm trừ (khối lượng, dự toán, thanh toán) trong quá trình thực hiện HĐ.						
	...						
D	GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH GIÁ (Đối với các HĐ theo đơn giá điều chỉnh)						
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)						
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)						

Giá trị quyết toán:  
Bằng số :.....đồng  
Bằng chữ :.....

**NHÀ THẦU**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH  
THÀNH LẬP CHỦ ĐẦU TƯ  
CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

V/v bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu  
quyết toán hợp đồng dự án  
(lần....)

....., ngày tháng năm ...

Kính gửi: ..... (tên nhà thầu)

Căn cứ Nghị định số ..... ngày ..... của Chính phủ quy định về quyết  
toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của ..... về việc phê duyệt dự  
án ..... và điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... của ..... về việc trúng thầu (chỉ  
định thầu) dự án ..... và điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Hợp đồng số ..... ngày ..... giữa .... (tên chủ đầu tư) với  
.....(tên nhà thầu) và Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

Căn cứ ..... (nêu các căn cứ khác như văn bản cho phép kéo dài  
thời gian thực hiện Hợp đồng, ..... (nếu có));

Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý  
Hợp đồng (nếu có).

Để đảm bảo công tác lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án bảo đảm  
đúng thời gian quy định; ..... (tên chủ đầu tư) đề nghị ..... (tên nhà  
thầu) thực hiện các nội dung sau:

1. Về bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu còn thiếu hoặc chưa đảm bảo quy  
định (ghi cụ thể các hồ sơ, tài liệu còn thiếu và chưa đảm bảo theo quy định tại  
văn bản cụ thể):

2. Về thời gian nộp hồ sơ, tài liệu:

Đề nghị ..... (tên nhà thầu) bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu còn  
thiếu hoặc chưa đảm bảo quy định (nêu trên), gửi đến ..... (tên chủ đầu tư)  
trước ngày ... tháng...năm.

Quá thời gian trên, ..... (tên chủ đầu tư) chưa nhận được các hồ sơ, tài  
liệu còn thiếu hoặc chưa đảm bảo quy định (nêu trên); ..... (tên chủ đầu tư) sẽ  
thực hiện tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành để báo cáo cấp thẩm quyền  
thẩm tra, phê duyệt theo quy định; mọi tổn thất, thiệt hại (nếu có) ..... (tên  
nhà thầu) hoàn toàn chịu trách nhiệm.

..... (tên chủ đầu tư) có ý kiến đề ..... (tên nhà thầu) biết và phối hợp thực  
hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Người quyết định đầu tư (để báo cáo);
- Cơ quan thẩm tra quyết toán;
- Cơ quan thanh toán;
- Lưu ....

**CHỦ ĐẦU TƯ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

gryhbyv\_Mian\_TinOienWihGhien\_24/02/2026 14:04:36

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2026

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	Nghị định số 254/2025/NĐ-CP (phần quyết toán)		
1	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công cho nhiệm vụ, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, bao gồm: 1. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho: a) Nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm trường hợp sử dụng vốn ngân sách địa phương cho các dự án thuộc trung ương quản lý). b) Nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. 2. Quyết toán vốn đầu tư công nguồn	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ).		
	3. Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, bao gồm các nhiệm vụ, dự án (sau đây gọi chung là dự án) quy định tại khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành hoặc dừng, ngừng, tạm ngừng, hủy bỏ, chấm dứt (sau đây gọi chung là dừng) theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.	1. Nghị định này quy định quyết toán vốn đầu tư đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ (dự án hoặc chi phí) chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch (sau đây gọi chung là dự án) <b>sử dụng vốn đầu tư công, chỉ thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công)</b> sau khi hoàn thành hoặc <b>dừng, tạm ngừng, hủy bỏ</b> (sau đây gọi chung là dừng) theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) là vốn ngân sách nhà nước sử dụng cho các nhiệm vụ chỉ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm b, điểm d khoản 1, khoản 9 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh phạm vi cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 17, Khoản 2 Điều 79 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Điều 37, khoản 5 Điều 95 Luật Đầu tư công số 58, Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 (nội dung sửa luật Đầu tư công); Khoản 2 Điều 27 Luật Ngân sách nhà nước Làm rõ nội hàm của Vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm b, điểm d khoản 1, khoản 9 Điều 39 Luật NSNN để tránh vướng mắc khi thực hiện.
	Dự án, công trình, hạng mục công trình sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công: thực hiện thống nhất theo quy	2. Dự án, công trình, hạng mục công trình sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công, <b>chỉ thường xuyên từ ngân sách</b>	



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>định tại Nghị định này, trừ dự án có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Dự án có nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành: căn cứ đơn giá hiện vật, giá trị ngày công lao động hoặc giá trị công trình hoàn thành để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.</p> <p>Dự án thực hiện theo hình thức sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng, các hình thức hỗ trợ hiện vật khác: các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quyết toán phân vốn hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị thực hiện và của Nhà nước.</p>	<p><i>nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công):</i> thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định này, trừ dự án có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Dự án có nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành: căn cứ đơn giá hiện vật, giá trị ngày công lao động hoặc giá trị công trình hoàn thành để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.</p> <p>Dự án thực hiện theo hình thức sử dụng vốn để hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng, các hình thức hỗ trợ hiện vật khác: các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quyết toán phân vốn hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị thực hiện và của Nhà nước.</p>	
	<p>4. Quy trình, thủ tục thanh toán và quyết toán các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo các quy định tại Nghị định này. Thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn thực hiện theo quy định của Chính phủ về</p>	<p>3. Các dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ: Thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án theo Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết, Nghị định hướng dẫn riêng của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn riêng</p>	<p>Điều chỉnh, chỉ quy định nội dung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Nghị định khi chưa có quy định Điều ước quốc tế, Nghị định và Thông tư hướng dẫn riêng</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.</p> <p>Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.</p>	<p>của Bộ Tài chính. Trường hợp không có quy định tại Điều ước quốc tế, Nghị định và Thông tư hướng dẫn riêng thì thực hiện theo Nghị định này</p>	
	<p>5. Nghị định này không quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công (trừ trường hợp các quy định riêng của Chính phủ có dẫn chiếu thực hiện theo Nghị định này) để:</p> <p>a) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán cho đối tượng này thực hiện theo các quy định riêng của Chính phủ.</p> <p>b) Nhiệm vụ chi cấp vốn thực hiện cho vay các Chương trình tín dụng chính sách của ngân sách trung ương qua Ngân hàng chính sách.</p>	<p>4. Nghị định này không quy định việc quyết toán vốn đầu tư dự án đối với dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp tại văn bản quy phạm pháp luật có dẫn chiếu thực hiện theo Nghị định này.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án tại khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 35, khoản 5 Điều 44 Nghị định 312/2025/NĐ-CP ngày 06/12/2025 của Chính phủ quy định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT; dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>c) Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ.</p> <p>d) Vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>đ) Nhiệm vụ hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>e) Vốn đầu tư công để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất (việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất).</p>		
		<p>5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể áp dụng quy định tại Nghị định này để lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án đối với các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo tính bao quát, cho phép các dự án khác cũng được áp dụng để thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (tương tự như quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 27/2025/TT-BTC ngày 22/5/2025 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
			vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công) để tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.
2	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công trong phạm vi quy định tại Điều 1 Nghị định này.	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện.	Điều chỉnh chỉ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định
3	<b>Điều 30. Vốn đầu tư được quyết toán</b> Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng hoặc dừng thực hiện theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư ( <i>bao gồm cả các chi phí thanh toán hợp đồng bảo hiểm, lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định này</i> ). Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí đã thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với	<b>Điều 3. Vốn đầu tư được quyết toán</b> Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện ( <i>bao gồm cả các chi phí thanh toán hợp đồng bảo hiểm, lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i> ) trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng hoặc dừng thực hiện theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí đã thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả	Cơ bản giữ nguyên, chỉ đổi chỗ của cụm từ ( <i>bao gồm cả các chi phí thanh toán hợp đồng bảo hiểm, lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i> )

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.	phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.	
4	<p><b>Điều 31. Quyết toán vốn đầu tư công dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành</b></p> <p>1. Trường hợp tại văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư dự án có phân chia dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng độc lập hoặc được phân kỳ đầu tư) và có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt: mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập. Dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại.</p> <p>Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân</p>	<p><b>Điều 4. Quyết toán vốn đầu tư dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành</b></p> <p>1. Trường hợp tại văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư dự án có phân chia dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng độc lập hoặc được phân kỳ đầu tư) và có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt: mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập. Dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại.</p> <p>Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân</p>	Không thay đổi, chỉ bỏ từ “ <b>công</b> ” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định và nó cụm từ “ <b>hoàn thành</b> ” cho phù hợp với tên gọi dự thảo Nghị định

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>cấp tỉnh được giao quản lý dự án thành phần chính hoặc làm đầu mối tổng hợp dự án chịu trách nhiệm báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A hoàn thành gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính khi dự án hoàn thành toàn bộ.</p> <p>2. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:</p> <p>a) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí vốn kế hoạch chuẩn bị đầu tư trong chi phí của dự án đầu tư được duyệt để triển khai thực hiện dự án, việc quyết toán riêng nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc quyết toán chung với dự án đầu tư do người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư quyết định.</p> <p>b) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí kế hoạch vốn riêng, khi hoàn thành phải quyết toán như tiểu dự án độc lập và tổng hợp quyết toán dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>c) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thì các khoản chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án đã thực hiện được quyết toán như dự án dừng thực</p>	<p>cấp tỉnh được giao quản lý dự án thành phần chính hoặc làm đầu mối tổng hợp dự án chịu trách nhiệm báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính khi dự án hoàn thành toàn bộ.</p> <p>2. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:</p> <p>a) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí vốn kế hoạch chuẩn bị đầu tư trong chi phí của dự án đầu tư được duyệt để triển khai thực hiện dự án, việc quyết toán riêng nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc quyết toán chung với dự án đầu tư do người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư quyết định.</p> <p>b) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí kế hoạch vốn riêng, phải quyết toán như tiểu dự án độc lập và tổng hợp quyết toán dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>c) Trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thì các khoản chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án đã thực hiện được quyết toán như dự án dừng thực</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>hiện.</p> <p>3. Đối với bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>a) Trường hợp trong chủ trương đầu tư dự án nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập: việc báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và thẩm tra quyết toán thực hiện như một dự án đầu tư công độc lập.</p> <p>b) Đối với các trường hợp còn lại: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn thành và gửi quyết định phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chung của toàn bộ dự án.</p> <p>c) Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp,</p>	<p>hiện.</p> <p>3. Đối với bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>a) Trường hợp trong chủ trương đầu tư dự án nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập: việc báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án và thẩm tra quyết toán thực hiện như một dự án đầu tư độc lập.</p> <p>b) Đối với các trường hợp còn lại: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp với cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và gửi quyết định phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để tổng hợp vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án của toàn bộ dự án.</p> <p>c) Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, thì đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>thì đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án (sau khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp) có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quản lý đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn thành.</p> <p>d) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán, trừ trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư toàn bộ dự án yêu cầu thẩm tra lại chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán.</p> <p>Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giao đơn vị chuyên môn thuộc quyền</p>	<p>quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án (sau khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp) có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện báo cáo quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quản lý đơn vị, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>d) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án không phải thẩm tra lại phần chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán, trừ trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư toàn bộ dự án yêu cầu thẩm tra lại chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt quyết toán.</p> <p>Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giao đơn vị chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý (đối với cấp xã</p>	



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quản lý hoặc công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý (đối với cấp xã không tổ chức phòng) chủ trì thẩm tra quyết toán và quy định cụ thể thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đảm bảo không được làm ảnh hưởng đến chủ đầu tư dự án khi lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</p> <p>4. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng độc lập) hoàn thành đưa vào sử dụng của dự án đầu tư công: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định. Giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến công trình, hạng mục công trình đó. Sau khi dự án hoàn thành toàn bộ hoặc dừng thực hiện, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán được duyệt của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành</p>	<p>không tổ chức phòng) chủ trì thẩm tra quyết toán và quy định cụ thể thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đảm bảo không được làm ảnh hưởng đến chủ đầu tư dự án khi lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>4. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng độc lập) đưa vào sử dụng của dự án đầu tư: trường hợp cần thiết phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định. Giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến công trình, hạng mục công trình đó. Sau khi dự án hoàn thành toàn bộ hoặc dừng thực hiện, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán được duyệt của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>5. Đối với dự án có toàn bộ dự án thành</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.</p> <p>5. Đối với dự án có toàn bộ dự án thành phần, tiêu dự án, công trình hoặc hạng mục xây dựng và thiết bị đã hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng nhưng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa hoàn thành: chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho phép thực hiện báo cáo quyết toán chi phí đã thực hiện dự án để gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thẩm tra; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quyết toán là giá trị hợp pháp đã thực hiện. Trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp tục thực hiện bổ sung, việc quyết toán chi phí bổ sung thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Các nội dung liên quan đến quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p>	<p>phần, tiêu dự án, công trình hoặc hạng mục xây dựng và thiết bị đã hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng nhưng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa hoàn thành: chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho phép thực hiện báo cáo quyết toán chi phí đã thực hiện dự án để gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thẩm tra; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quyết toán là giá trị hợp pháp đã thực hiện. Trường hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp tục thực hiện bổ sung, việc quyết toán chi phí bổ sung thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Các nội dung liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p>	
5	<p><b>Điều 32. Báo cáo quyết toán</b></p> <p>1. Báo cáo phải xác định đầy đủ, chính xác các nội dung sau:</p> <p>a) Chi tiết vốn đầu tư.</p>	<p><b>Điều 5. Báo cáo quyết toán</b></p> <p>1. Báo cáo phải xác định đầy đủ, chính xác các nội dung sau:</p> <p>a) Chi tiết vốn đầu tư.</p>	<p>Không thay đổi, chỉ bỏ từ “<b>công</b>” và “<b>hoàn thành</b>” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 và tên</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán hoàn thành.</p> <p>c) Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư.</p> <p>d) Chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản.</p> <p>đ) Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án.</p> <p>2. Bộ Tài chính ban hành hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và hướng dẫn các nội dung liên quan.</p>	<p>b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán.</p> <p>c) Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư.</p> <p>d) Chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản.</p> <p>đ) Giá trị tài sản hình thành.</p> <p>2. Bộ Tài chính ban hành hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án và hướng dẫn các nội dung liên quan.</p>	<p>gọi dự thảo Nghị định</p>
6	<p><b>Điều 33. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán</b></p> <p>Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán cũng là thủ trưởng của cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán thì chỉ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Hồ sơ là bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính hoặc bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật bao gồm các tài liệu sau:</p>	<p><b>Điều 6. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán</b></p> <p>Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán cũng là thủ trưởng của cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán thì chỉ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Hồ sơ là bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính hoặc bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật <i>hoặc văn bản điện tử theo quy định của pháp luật</i>, bao gồm các tài liệu</p>	<p>Cơ bản không thay đổi, chỉ đưa quy định về văn bản điện tử từ khoản 5 Nghị định số 254 lên đoạn mở đầu dự thảo Nghị định và bỏ từ “<i>công</i>” cho phù hợp với khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định</p> <p>Loại bỏ dẫn chiếu dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công tại khoản 4 Nghị định 254 cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định và phù hợp với dự thảo Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>1. Đối với dự án đầu tư công hoàn thành, công trình, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:</p> <p>a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.</p> <p>b) Mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này.</p> <p>c) Các văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>d) Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp</p>	<p>sau:</p> <p>1. Đối với dự án đầu tư hoàn thành, công trình, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư dừng thực hiện có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:</p> <p>a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.</p> <p>b) Mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.</p> <p>c) Các văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>d) Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối</p>	<p>dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước (có quy định: (i). <i>Mẫu Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; (ii). Mẫu Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; (iii) Mẫu Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện hoạt động quy hoạch).</i></p> <p>Bổ sung nội dung cho phép chủ đầu tư tự quyết toán khi nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định (phù hợp với quy định tại khoản 1 (1. Trong hợp đồng xây dựng phải quy định cụ thể về việc thanh toán, tạm thanh</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là quyết toán A - B) theo Mẫu số 03.c/QT; biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</p> <p>đ) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (nếu có).</p> <p>e) Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.</p> <p>g) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra,</p>	<p>lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là quyết toán A - B) theo Mẫu số 01/QTDA; biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>đ) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (nếu có).</p> <p>e) Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.</p> <p>g) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật</p>	<p>toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng xây dựng. Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng bao gồm cả các trường hợp được đơn phương quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng) và khoản 5 (5. Trường hợp một bên không tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng theo thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng, thì bên còn lại có quyền tự quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng.) Điều 87 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15. Quy định này sẽ giúp cho việc quyết toán vốn đầu tư dự án được thuận lợi và nhanh hơn khi nhà thầu cố tình vi phạm hợp đồng.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.</p> <p>2. Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:</p> <p>a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, văn bản phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong văn bản chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.</p> <p>b) Mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này.</p> <p>c) Các văn bản pháp lý có liên quan.</p>	<p>điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.</p> <p>2. Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:</p> <p>a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, văn bản phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong văn bản chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.</p> <p>b) Mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.</p> <p>c) Các văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>d) Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>d) Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có), các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), quyết toán A - B theo Mẫu số 03.c/QT (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.</p> <p>đ) Báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.</p> <p>3. Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.</p> <p>4. Đối với dự án dừng thực hiện: Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án ban hành văn bản cho</p>	<p>(nếu có), các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), quyết toán A - B theo Mẫu số 01/QTDA (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.</p> <p>đ) Báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.</p> <p>3. Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.</p> <p>4. Đối với dự án dừng thực hiện: Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án ban hành văn bản cho phép dừng thực hiện dự án sau khi có văn bản cho phép dừng chủ trương đầu tư dự án của cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án <i>(trừ dự án không</i></p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>phép dừng thực hiện dự án sau khi có văn bản cho phép dừng chủ trương đầu tư dự án của cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều 19 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và khoản 6 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, khối lượng, số liệu thanh toán tại ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện dự án, chủ đầu tư thực hiện lập quyết toán chi phí đã thực hiện của dự án để gửi thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>5. Chủ đầu tư được gửi văn bản điện tử thay cho văn bản giấy. Văn bản điện tử phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác văn thư.</p>	<p><b><i>phải quyết định chủ trương đầu tư.</i></b> Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, khối lượng, số liệu thanh toán tại ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện dự án, chủ đầu tư thực hiện lập quyết toán chi phí đã thực hiện của dự án để gửi thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định tại Nghị định này.</p> <p><b><i>5. Trường hợp nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định, căn cứ hợp đồng chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng hoặc hoàn thành các nội dung công việc để quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện (theo Mẫu số 02/QTDA). Sau khi chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 (mỗi văn bản cách nhau 10 ngày) đến nhà thầu, nhưng nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu, chủ đầu tư được căn cứ hồ sơ thực tế đã thực hiện để lập hồ sơ quyết toán (không cần quyết toán A-B) và xác định giá trị đề nghị quyết toán trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án. Chủ đầu tư ghi rõ nội dung nhà thầu</i></b></p>	



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
		<i>không hợp tác để quyết toán trong Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán. Nhà thầu không thực hiện quyết toán chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền.</i>	
7	<p><b>Điều 34. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành</b></p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán:</p> <p>a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:</p> <p>Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập sử dụng vốn đầu tư công giao cơ quan, đơn vị mình quản lý.</p> <p>Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán đối với dự án thành phần, tiểu dự án độc lập không sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>b) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết</p>	<p><b>Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán</b></p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán:</p> <p>a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:</p> <p>Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập sử dụng vốn đầu tư công giao cơ quan, đơn vị mình quản lý.</p> <p>Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán đối với dự án thành phần, tiểu dự án độc lập không sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>b) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết</p>	<p>Tách Điều 34 Nghị định số 254/NĐ-CP thành 02 Điều cho phù hợp với tên Điều</p> <p><b>Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán</b> cơ bản không thay đổi, chỉ bỏ từ “<b>công</b>” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định.</p> <p>Bổ sung quy định thẩm tra đối với các nhiệm vụ, dự án đầu tư các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</p> <p>c) Trong và sau quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp được thực hiện theo các trường hợp sau:</p> <p>Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp tỉnh quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh nhận bàn giao dự án sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với việc quyết toán dự án hoàn thành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.</p> <p>Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp xã quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp xã nhận bàn giao sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với việc quyết toán dự án hoàn thành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.</p> <p>d) Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn</p>	<p>toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>c) Trong và sau quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp được thực hiện theo các trường hợp sau:</p> <p>Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp tỉnh quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh nhận bàn giao dự án sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp xã quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp xã nhận bàn giao sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với dự án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>d) Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về tổ chức chính</p>	<p>thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia hiện đang quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP để bỏ quy định này tại Nghị định số 88/2025/NĐ-CP</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về tổ chức chính phủ, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.</p> <p>2. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán:</p> <p>a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.</p> <p>b) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: Đối với cấp xã có tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn có chức năng về tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra; đối với cấp xã không tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra.</p> <p>c) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán trước khi phê duyệt.</p> <p>d) Trường hợp cần thiết, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt</p>	<p>phủ, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán:</p> <p>a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.</p> <p>b) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: Đối với cấp xã có tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn có chức năng về tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra; đối với cấp xã không tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra.</p> <p>c) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra quyết toán trước khi trình phê duyệt quyết toán. Thành phần của Tổ thẩm tra quyết toán gồm đại diện có thẩm quyền của các đơn vị, cơ quan có liên quan. Nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm tra quyết toán do người có thẩm quyền thành lập Tổ quyết định.</p>	<p>vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án trước khi phê duyệt.</p> <p>d) Trường hợp cần thiết, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án quyết định thành lập Tổ thẩm tra để thực hiện thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án trước khi trình phê duyệt. Thành phần của Tổ thẩm tra gồm đại diện có thẩm quyền của các đơn vị, cơ quan có liên quan. Nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm tra do người có thẩm quyền thành lập Tổ quyết định.</p> <p><i><b>đ) Riêng đối với các nhiệm vụ, dự án đầu tư các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo</b></i></p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
		<i>kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này, chủ đầu tư căn cứ báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, trình người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án; không yêu cầu thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán</i>	
	<p>3. Kiểm toán báo cáo quyết toán:</p> <p>a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công khi hoàn thành phải kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước). <i>Các dự án sử dụng vốn đầu tư công còn lại, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định đầu thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán.</i></p> <p>Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng. Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập</p>	<p><b>Điều 8. Kiểm toán báo cáo quyết toán:</b></p> <p>1. Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước) sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công phải kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán.</p> <p>Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và giao kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng. Chủ đầu tư, nhà thầu kiểm toán độc lập và các đơn vị có liên</p>	<p>Cơ bản không thay đổi quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 254</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>và các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.</p> <p>b) Nhà thầu kiểm toán độc lập là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực kiểm toán hiện hành.</p> <p>c) Đối với các dự án được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra:</p> <p>Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 36 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra làm căn cứ để thẩm tra; không phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán.</p> <p>Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 36 Nghị định này, căn cứ</p>	<p>quan thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Nhà thầu kiểm toán độc lập là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực kiểm toán hiện hành.</p> <p>3. Đối với các dự án được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra:</p> <p>Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra có đủ nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra làm căn cứ để thẩm tra; không phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán.</p> <p>Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra thực hiện chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này, căn cứ</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung trong trường hợp cần thiết. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí thuê kiểm toán độc lập quy định tại Điều 45 Nghị định này. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán sử dụng báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra và báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập làm căn cứ để thẩm tra quyết toán dự án.</p> <p>Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra có quyết định kiểm toán, thanh tra dự án khi nhà thầu kiểm toán độc lập đang thực hiện hợp đồng kiểm toán thì nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện hợp đồng kiểm toán theo đúng nội dung của hợp đồng đã ký kết.</p>	<p>khoản 1 Điều này chủ đầu tư xác định nội dung, phạm vi kiểm toán bổ sung và lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung trong trường hợp cần thiết. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí thuê kiểm toán độc lập quy định tại Điều 19 Nghị định này. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán sử dụng báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra và báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập làm căn cứ để thẩm tra quyết toán dự án.</p> <p>Trường hợp Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra có quyết định kiểm toán, thanh tra dự án khi nhà thầu kiểm toán độc lập đang thực hiện hợp đồng kiểm toán thì nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện hợp đồng kiểm toán theo đúng nội dung của hợp đồng đã giao kết.</p>	
14	<p><b>Điều 35. Thẩm tra quyết toán đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã thực hiện kiểm toán, thanh tra</b></p> <p>1. Trường hợp nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán,</p>	<p><b>Điều 9. Thẩm tra quyết toán đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã thực hiện kiểm toán, thanh tra</b></p> <p>1. Trường hợp nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán,</p>	Không thay đổi

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra các nội dung sau:</p> <p>a) Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán độc lập, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.</p> <p>b) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của dự án với nội dung kiểm toán theo quy định và chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Trường hợp kết quả kiểm toán có sai sót, không đảm bảo yêu cầu, không đủ nội dung theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.</p> <p>c) Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.</p> <p>d) Xem xét những kiến nghị của kiểm toán mà chủ đầu tư không thống nhất với kết quả kiểm toán của nhà thầu kiểm toán độc lập.</p> <p>đ) Kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm</p>	<p>cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra các nội dung sau:</p> <p>a) Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán độc lập, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.</p> <p>b) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của dự án với nội dung kiểm toán theo quy định và chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Trường hợp kết quả kiểm toán có sai sót, không đảm bảo yêu cầu, không đủ nội dung theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.</p> <p>c) Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.</p> <p>d) Xem xét những kiến nghị của kiểm toán mà chủ đầu tư không thống nhất với kết quả kiểm toán của nhà thầu kiểm toán độc lập.</p> <p>đ) Kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm</p>	



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án.</p> <p>2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại Điều 36 Nghị định này:</p> <p>a) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra với báo cáo quyết toán của chủ đầu tư để xác định việc tuân thủ các quy định pháp luật của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan; số liệu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với kết quả kiểm toán, thanh tra làm cơ sở để trình người có thẩm quyền xem xét khi phê duyệt quyết toán.</p> <p>b) Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan thanh tra,</p>	<p>tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án.</p> <p>2. Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra kết luận có đủ các nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định này:</p> <p>a) Đối chiếu nội dung báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra với báo cáo quyết toán của chủ đầu tư để xác định việc tuân thủ các quy định pháp luật của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan; số liệu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với kết quả kiểm toán, thanh tra làm cơ sở để trình người có thẩm quyền xem xét khi phê duyệt quyết toán.</p> <p>b) Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan thanh tra,</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, điều tra để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định.	kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, điều tra để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định	
15	<p><b>Điều 36. Thẩm tra quyết toán đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình không kiểm toán, thanh tra</b></p> <p>Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42 Nghị định này và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành gồm những nội dung như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hồ sơ pháp lý.</li> <li>2. Vốn đầu tư của dự án.</li> <li>3. Chi phí đầu tư.</li> <li>4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản.</li> <li>5. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án.</li> <li>6. Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng.</li> <li>7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác (nếu có).</li> </ol>	<p><b>Điều 10. Thẩm tra quyết toán đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình không kiểm toán, thanh tra</b></p> <p>Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16 Nghị định này và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án gồm những nội dung như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hồ sơ pháp lý.</li> <li>2. Vốn đầu tư dự án.</li> <li>3. Chi phí đầu tư.</li> <li>4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản.</li> <li>5. Giá trị tài sản hình thành.</li> <li>6. Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng.</li> <li>7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác (nếu có).</li> <li>8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị:</li> </ol>	Cơ bản không thay đổi nội dung, chỉ điều chỉnh các Điều dẫn chiếu và bổ sung quy định pháp luật về ngân sách nhà nước cho phù hợp với khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị:</p> <p>a) Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư công, xây dựng và đấu thầu; công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản đầu tư của chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án.</p> <p>b) Xác định giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và xử lý các vấn đề có liên quan.</p>	<p>a) Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công, xây dựng và đấu thầu; công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản của chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án.</p> <p>b) Xác định giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và xử lý các vấn đề có liên quan.</p>	
16	<p><b>Điều 37. Thẩm tra hồ sơ pháp lý</b></p> <p>Căn cứ báo cáo, các văn bản pháp lý liên quan của dự án, đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan để có nhận xét về:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản.</li> <li>2. Việc chấp hành trình tự đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.</li> <li>3. Việc chấp hành trình tự đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</li> <li>4. Việc tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng trong ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.</li> </ol>	<p><b>Điều 11. Thẩm tra hồ sơ pháp lý</b></p> <p>Căn cứ báo cáo, các văn bản pháp lý liên quan của dự án, đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan để có nhận xét về:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản.</li> <li>2. Việc chấp hành trình tự đầu tư theo quy định của pháp luật về <b>ngân sách nhà nước</b>, đầu tư công và xây dựng.</li> <li>3. Việc chấp hành trình tự lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</li> <li>4. Việc tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng trong giao kết hợp đồng giữa</li> </ol>	<p>Không thay đổi, chỉ bỏ từ <b>“công”</b> và <b>bổ sung quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước</b> cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
		chủ đầu tư với nhà thầu	
17	<p><b>Điều 38. Thẩm tra vốn đầu tư của dự án</b></p> <p>1. So sánh cơ cấu vốn đầu tư công thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức đầu tư được duyệt.</p> <p>2. Đối chiếu số liệu vốn giải ngân hằng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán.</p> <p>3. Kiểm tra việc thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư công của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định.</p> <p>4. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc quản lý và sử dụng các loại vốn đầu tư công của dự án.</p>	<p><b>Điều 12. Thẩm tra vốn đầu tư dự án</b></p> <p>1. So sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện của dự án với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức đầu tư được duyệt.</p> <p>2. Đối chiếu số liệu vốn giải ngân hằng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán.</p> <p>3. Kiểm tra việc thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định.</p> <p>4. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc quản lý, thanh toán; việc quản lý và sử dụng các loại vốn đầu tư dự án.</p>	Cơ bản không thay đổi, chỉ bỏ từ “ <b>công</b> ” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định và chỉ quy định các nội dung liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.
18	<p><b>Điều 39. Thẩm tra chi phí đầu tư</b></p> <p>1. Nguyên tắc thẩm tra:</p> <p>a) Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; loại hợp đồng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu). Kiểm tra số liệu tổng hợp chi phí và các khoản mục do chủ đầu tư lập trong báo cáo quyết toán.</p>	<p><b>Điều 13. Thẩm tra chi phí đầu tư</b></p> <p>1. Nguyên tắc thẩm tra:</p> <p>a) Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; loại hợp đồng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu). Kiểm tra số liệu tổng hợp chi phí và các khoản mục do chủ đầu tư lập trong báo cáo quyết toán.</p>	Không thay đổi

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>b) Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã nghiệm thu theo quy định.</p> <p>2. Thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>a) Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt, dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt, danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán. Việc lập, phê duyệt dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</p>	<p>b) Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã nghiệm thu theo quy định.</p> <p>2. Thẩm tra chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>a) Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt, dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt, danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán. Việc lập, phê duyệt dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>b) Giá trị công trình xây dựng đã có quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền: căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền, văn bản yêu cầu thanh toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình xây dựng và chứng từ thanh toán để xác định giá trị chi phí đã đầu tư. Trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán đầu tư dự án yêu cầu thẩm tra thì việc thẩm tra thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Thẩm tra chi phí:</p> <p>a) Đối với chi phí thực hiện thông qua hợp đồng:</p> <p>Căn cứ từng loại hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu theo quy định tại pháp luật về xây dựng, đấu thầu, hợp đồng để kiểm tra, đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện, đơn giá trong bảng tính giá trị quyết toán A - B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng, đơn giá theo quy định tại hợp đồng, để xác định giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo quy định.</p>	<p>b) Giá trị công trình xây dựng đã có quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền: căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán của người có thẩm quyền, văn bản yêu cầu thanh toán của chủ đầu tư hoặc đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình xây dựng và chứng từ thanh toán để xác định giá trị chi phí đã đầu tư. Trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán đầu tư dự án yêu cầu thẩm tra thì việc thẩm tra thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Thẩm tra chi phí:</p> <p>a) Đối với chi phí thực hiện thông qua hợp đồng:</p> <p>Căn cứ từng loại hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu theo quy định tại pháp luật về xây dựng, đấu thầu, hợp đồng để kiểm tra, đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện, đơn giá trong bảng tính giá trị quyết toán A - B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng, đơn giá theo quy định tại hợp đồng, để xác định giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo quy định.</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>Trường hợp có điều chỉnh về khối lượng, đơn giá, chính sách của Nhà nước: Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, nguyên tắc điều chỉnh khối lượng, đơn giá ghi trong hợp đồng, các chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.</p> <p>Trường hợp phát sinh chi phí: Căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng tương ứng với từng loại hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan để thẩm tra.</p> <p>b) Đối với chi phí thực hiện không thông qua hợp đồng:</p> <p>Đối với các khoản chi phí tính theo định mức tỷ lệ phần trăm: Kiểm tra, đối chiếu các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.</p> <p>Đối với các khoản chi phí tính theo dự toán chi tiết được duyệt: Kiểm tra, đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự</p>	<p>Trường hợp có điều chỉnh về khối lượng, đơn giá, chính sách của Nhà nước: Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, nguyên tắc điều chỉnh khối lượng, đơn giá ghi trong hợp đồng, các chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.</p> <p>Trường hợp phát sinh chi phí: Căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng tương ứng với từng loại hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan để thẩm tra.</p> <p>b) Đối với chi phí thực hiện không thông qua hợp đồng:</p> <p>Đối với các khoản chi phí tính theo định mức tỷ lệ phần trăm: Kiểm tra, đối chiếu các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.</p> <p>Đối với các khoản chi phí tính theo dự toán chi tiết được duyệt: Kiểm tra, đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>toán được duyệt để đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí.</p> <p>4. Thẩm tra chi phí quản lý dự án:</p> <p>a) Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.</p> <p>b) Việc quản lý tài sản của chủ đầu tư, ban quản lý dự án khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p>	<p>toán được duyệt để đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí.</p> <p>4. Thẩm tra chi phí quản lý dự án:</p> <p>a) Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.</p> <p>b) Việc xử lý tài sản của chủ đầu tư, ban quản lý dự án khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật có liên quan.</p>	
19	<p><b>Điều 40. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản</b></p> <p>1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung:</p> <p>a) Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại.</p> <p>b) Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, tư vấn giám sát, nhà thầu bảo hiểm kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.</p> <p>2. Thẩm tra các khoản chi phí không hình</p>	<p><b>Điều 14. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản</b></p> <p>1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung:</p> <p>a) Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại.</p> <p>b) Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, tư vấn giám sát, nhà thầu bảo hiểm kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.</p> <p>2. Thẩm tra các khoản chi phí không hình</p>	Không thay đổi



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>thành tài sản như: chi phí đào tạo, tăng cường và nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý hoặc cộng đồng; chi phí các ban quản lý dự án không liên quan trực tiếp đến tài sản được hình thành và bàn giao ở các địa phương; chi phí đầu tư thiệt hại do nguyên nhân chủ quan như khối lượng đầu tư bị hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi phí đã thực hiện, không xảy ra thiệt hại, có tạo ra sản phẩm nhưng sản phẩm đó không được sử dụng cho dự án như kết quả khảo sát, thiết kế đã hoàn thành, đạt chất lượng nhưng không được sử dụng do chủ đầu tư thay đổi thiết kế; chi phí đầu tư dở dang (dự án dừng thực hiện) không hình thành tài sản; chi phí sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai không được hạch toán tăng giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quản lý sử dụng tài sản công.</p>	<p>thành tài sản như: chi phí đào tạo, tăng cường và nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý hoặc cộng đồng; chi phí các ban quản lý dự án không liên quan trực tiếp đến tài sản được hình thành và bàn giao ở các địa phương; chi phí đầu tư thiệt hại do nguyên nhân chủ quan như khối lượng đầu tư bị hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi phí đã thực hiện, không xảy ra thiệt hại, có tạo ra sản phẩm nhưng sản phẩm đó không được sử dụng cho dự án như kết quả khảo sát, thiết kế đã hoàn thành, đạt chất lượng nhưng không được sử dụng do chủ đầu tư thay đổi thiết kế; chi phí đầu tư dở dang (dự án dừng thực hiện) không hình thành tài sản; chi phí sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai không được hạch toán tăng giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quản lý sử dụng tài sản công.</p>	
20	<p><b>Điều 41. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án</b></p> <p>1. Xác định số lượng và giá trị tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, công trình hoặc hạng mục công trình độc lập.</p>	<p><b>Điều 15. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành</b></p> <p>1. Xác định số lượng và giá trị tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, công trình hoặc hạng mục công trình độc lập.</p> <p>2. Tiêu chuẩn tài sản, phân loại tài sản,</p>	Không thay đổi

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	2. Tiêu chuẩn tài sản, phân loại tài sản, phân bổ giá trị, nguyên giá tài sản và xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công	phân bổ giá trị, nguyên giá tài sản và xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.	
21	<p><b>Điều 42. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng</b></p> <p>1. Thẩm tra xác định công nợ:</p> <p>a) Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư, số tiền đã thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để xác định rõ từng khoản phải thu, phải trả theo đúng đối tượng.</p> <p>b) Xem xét kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước nhưng chưa nộp, số dư tiền gửi, tiền mặt tại quỹ để kiến nghị biện pháp xử lý.</p> <p>2. Kiểm tra xác định giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng:</p> <p>a) Kiểm tra giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế.</p> <p>b) Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng.</p> <p>c) Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong</p>	<p><b>Điều 16. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng</b></p> <p>1. Thẩm tra xác định công nợ:</p> <p>a) Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư, số tiền đã thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để xác định rõ từng khoản phải thu, phải trả theo đúng đối tượng.</p> <p>b) Xem xét kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước nhưng chưa nộp, số dư tiền gửi, tiền mặt tại quỹ để kiến nghị biện pháp xử lý.</p> <p>2. Kiểm tra xác định giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng:</p> <p>a) Kiểm tra giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế.</p> <p>b) Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng.</p> <p>c) Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong</p>	Không thay đổi

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	quá trình thực hiện dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	quá trình thực hiện dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật có liên quan..	
22	<p><b>Điều 43. Thẩm tra quyết toán đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.</li> <li>2. Thẩm tra vốn đầu tư thực hiện.</li> <li>3. Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí so với hợp đồng (nếu có), dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này.</li> <li>4. Thẩm tra công nợ của dự án.</li> <li>5. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản.</li> <li>6. Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án (nếu có).</li> <li>7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).</li> </ol>	<p><b>Điều 17. Thẩm tra quyết toán đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.</li> <li>2. Thẩm tra vốn đầu tư dự án.</li> <li>3. Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí so với hợp đồng (nếu có), dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này.</li> <li>4. Thẩm tra công nợ của dự án.</li> <li>5. Thẩm tra các khoản chi phí không hình thành tài sản.</li> <li>6. Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án (nếu có).</li> <li>7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đối với kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).</li> </ol>	Cơ bản không thay đổi

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.	8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị.	
23	<p><b>Điều 44. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán</b></p> <p>1. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm:</p> <p>a) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.</p> <p>b) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình).</p> <p>c) Hồ sơ khác khi người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán yêu cầu.</p> <p>2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a) Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án.</p> <p>b) Tóm tắt kết quả thẩm tra theo đúng trình tự thẩm tra quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</p> <p>d) Kiến nghị giải quyết các tồn tại về vốn đầu tư, tài sản và công nợ, vật tư, vật liệu,</p>	<p><b>Điều 18. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán</b></p> <p>1. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm:</p> <p>a) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán.</p> <p>b) Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình).</p> <p>c) Hồ sơ khác khi người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán yêu cầu.</p> <p>2. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a) Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án.</p> <p>b) Tóm tắt kết quả thẩm tra theo đúng trình tự thẩm tra quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>d) Kiến nghị giải quyết các tồn tại về vốn đầu tư, tài sản và công nợ, vật tư, vật liệu,</p>	Cơ bản không thay đổi, chỉ bỏ cụm từ “ <i>hoàn thành</i> ” cho phù hợp với tên gọi của dự thảo Nghị định.

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>thiết bị tổn động sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</p> <p>3. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư, cơ quan thanh toán (hoặc cơ quan được ủy quyền kiểm soát, thanh toán đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công).</p>	<p>thiết bị tổn động sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>3. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án được gửi cho các cơ quan, đơn vị: chủ đầu tư, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan thanh toán (hoặc cơ quan được ủy quyền kiểm soát, thanh toán đối với dự án đầu tư bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án và gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công).</p>	
24	<p><b>Điều 45. Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</b></p> <p>Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán là chi phí thuộc nội dung chi phí khác trong tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc điều chỉnh) của dự án, giá trị quyết toán dự án hoàn thành.</p> <p>1. Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:</p> <p>a) Trường hợp dự án, dự án thành phần,</p>	<p><b>Điều 19. Chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</b></p> <p>Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán là chi phí thuộc nội dung chi phí khác trong tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc điều chỉnh) của dự án, giá trị quyết toán dự án hoàn thành.</p> <p>1. Chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:</p> <p>a) Trường hợp dự án, dự án thành phần,</p>	<p>Cơ bản không thay đổi; bỏ cụm từ “hoàn thành” cho phù hợp với tên gọi tại dự thảo Nghị định và bổ sung đối tượng <b>chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</b> có giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị dưới 5 tỷ đồng tại điểm c</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập có giá trị nằm trong khoảng giá trị nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này thì tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập, tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định theo công thức sau:</p> $K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$ <p>Trong đó:  <i>K<sub>i</sub></i>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là phần trăm).  <i>K<sub>a</sub></i>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần trên (đơn vị tính là phần trăm).  <i>K<sub>b</sub></i>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần dưới (đơn vị tính là phần trăm).  <i>G<sub>i</sub></i>: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là tỷ</p>	<p>tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập có giá trị nằm trong khoảng giá trị nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này thì tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập, tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định theo công thức sau:</p> $K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$ <p>Trong đó:  <i>K<sub>i</sub></i>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là phần trăm).  <i>K<sub>a</sub></i>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần trên (đơn vị tính là phần trăm).  <i>K<sub>b</sub></i>: Tỷ lệ định mức chi phí tương ứng với giá trị dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần dưới (đơn vị tính là phần trăm).  <i>G<sub>i</sub></i>: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cần tính (đơn vị tính là tỷ</p>	<p>khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định được hưởng định mức 0,57% cho thống nhất với quy định áp dụng cho dự án sử dụng vốn Chương trình MTQG đã được Chính phủ đồng ý cho áp dụng và để phù hợp với tình hình thực tế nhiều dự án sử dụng vốn chỉ thường xuyên có tổng mức đầu tư nhỏ.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình																																
	<p>đồng).</p> <p>Ga: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận trên (đơn vị tính là tỷ đồng).</p> <p>Gb: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận dưới (đơn vị tính là tỷ đồng).</p> <p>b) Chi phí kiểm toán độc lập:</p> <table><tr><td>Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)</td><td>≤ 5</td><td>10</td><td>50</td><td>100</td><td>500</td><td>1.000</td><td>≥ 10.000</td></tr><tr><td>Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)</td><td>0,96</td><td>0,645</td><td>0,45</td><td>0,345</td><td>0,195</td><td>0,129</td><td>0,069</td></tr></table> <p>Chi phí (dự toán gói thầu, giá gói thầu) kiểm toán độc lập của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác</p>	Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000	Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069	<p>đồng).</p> <p>Ga: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận trên (đơn vị tính là tỷ đồng).</p> <p>Gb: Giá trị của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập cận dưới (đơn vị tính là tỷ đồng).</p> <p>b) Chi phí kiểm toán độc lập:</p> <table><tr><td>Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)</td><td>≤ 5</td><td>10</td><td>50</td><td>100</td><td>500</td><td>1.000</td><td>≥ 10.000</td></tr><tr><td>Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)</td><td>0,96</td><td>0,645</td><td>0,45</td><td>0,345</td><td>0,195</td><td>0,129</td><td>0,069</td></tr></table> <p>Chi phí (dự toán gói thầu, giá gói thầu) kiểm toán độc lập của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác</p>	Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000	Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069	
Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000																												
Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069																												
Giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000																												
Tỷ lệ định mức chi phí kiểm toán độc lập (%)	0,96	0,645	0,45	0,345	0,195	0,129	0,069																												

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành							Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng							Giải trình		
	<p>định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và cộng với thuế giá trị gia tăng. Chi phí kiểm toán độc lập tối thiểu là một triệu đồng và cộng với thuế giá trị gia tăng.</p> <p>c) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:</p>							<p>định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và cộng với thuế giá trị gia tăng. Chi phí kiểm toán độc lập tối thiểu là một triệu đồng và cộng với thuế giá trị gia tăng.</p> <p>c) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:</p>									
	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	5	10	50	100	500	1.000	$\geq 10.000$	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)	$\leq 5$	10	50	100	500	1.000	$\geq 10.000$	
	Tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)	00,57	00,39	0,285	0,225	00,135	0,09	0,048	Tỷ lệ định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)	00,57	00,39	0,285	0,225	00,135	0,09	0,048	
	<p>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm nghìn đồng.</p>							<p>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm nghìn đồng.</p>									



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>d) Chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng <math>\geq 50\%</math> trong giá trị cần thuê kiểm toán độc lập hoặc giá trị quyết toán do chủ đầu tư lập thì chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 70% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.</p> <p>đ) Kiểm toán độc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, định mức chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này cho chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.</p> <p>e) Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã được nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán hoặc cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này: chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	<p>d) Chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng <math>\geq 50\%</math> trong giá trị cần thuê kiểm toán độc lập hoặc giá trị quyết toán do chủ đầu tư lập thì chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 70% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.</p> <p>đ) Kiểm toán độc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, định mức chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này cho chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.</p> <p>e) Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã được nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán hoặc cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này: chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định bằng 50% mức tính theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:</p> <p>a) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.</p> <p>Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 46 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được hưởng</p>	<p>2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:</p> <p>a) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.</p> <p>Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 20 Nghị định này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư gửi tới, có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được hưởng</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán chuyển trả chủ đầu tư số tiền đã thanh toán vượt để giảm trừ giá trị quyết toán của dự án.</p> <p>Chủ đầu tư đề nghị cơ quan thanh toán thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán được xác định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>b) Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:</p> <p>(i) Chi trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán theo hình thức khoán chi hoặc theo thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án.</p> <p>(ii) Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn.</p> <p>(iii) Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.</p> <p>(iv) Các khoản chi khác có liên quan đến</p>	<p>theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán chuyển trả chủ đầu tư số tiền đã thanh toán vượt để giảm trừ giá trị quyết toán của dự án.</p> <p>Chủ đầu tư đề nghị cơ quan thanh toán thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán được xác định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>b) Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:</p> <p>(i) Chi trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán theo hình thức khoán chi hoặc theo thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án.</p> <p>(ii) Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn.</p> <p>(iii) Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.</p> <p>(iv) Các khoản chi khác có liên quan đến</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt báo cáo quyết toán.</p> <p>c) Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện hằng năm cho đến khi quy chế được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).</p> <p>d) Nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không phải thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương; không hạch toán chung và không quyết toán chung với nguồn kinh phí quản lý hành chính hằng năm của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán nếu chưa sử dụng hết trong năm, được phép chuyển sang năm sau để thực hiện.</p> <p>Trên cơ sở nguồn thu và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập ủy nhiệm chi (Mẫu số 05.b/TT) để đề nghị thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</p>	<p>công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt báo cáo quyết toán.</p> <p>c) Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện hằng năm cho đến khi quy chế được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).</p> <p>d) Nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán không phải thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương; không hạch toán chung và không quyết toán chung với nguồn kinh phí quản lý hành chính hằng năm của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán nếu chưa sử dụng hết trong năm, được phép chuyển sang năm sau để thực hiện.</p> <p>Trên cơ sở nguồn thu và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập ủy nhiệm chi (Mẫu số 05.b/TT <i>ban hành kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày</i></p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>theo các nội dung chỉ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này gửi cơ quan thanh toán để thanh toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán không phải gửi chứng từ chi, hợp đồng, hóa đơn mua sắm đến cơ quan thanh toán. Căn cứ đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, cơ quan thanh toán thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.</p> <p>3. Trường hợp chủ đầu tư đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo hợp đồng kiểm toán nhưng nhà thầu kiểm toán độc lập vẫn không thực hiện một số nội dung công việc, chủ đầu tư căn cứ điều kiện hợp đồng và khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện để điều chỉnh giảm chi phí kiểm toán độc lập theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện.</p> <p>4. Trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc của hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu kiểm toán độc lập căn cứ các quy định của pháp luật về hợp đồng để điều chỉnh bổ sung hoặc loại trừ những nội dung công việc của hợp đồng đã ký.</p>	<p><b>26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công)</b> để đề nghị thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo các nội dung chỉ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này gửi cơ quan thanh toán để thanh toán. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán không phải gửi chứng từ chi, hợp đồng, hóa đơn mua sắm đến cơ quan thanh toán. Căn cứ đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, cơ quan thanh toán thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.</p> <p>3. Trường hợp chủ đầu tư đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo hợp đồng kiểm toán nhưng nhà thầu kiểm toán độc lập vẫn không thực hiện một số nội dung công việc, chủ đầu tư căn cứ điều kiện hợp đồng và khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện để điều chỉnh giảm chi phí kiểm toán độc lập theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng công việc nhà thầu kiểm toán không thực hiện.</p> <p>4. Trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc của hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu kiểm toán độc lập</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình																																								
		căn cứ các quy định của pháp luật về hợp đồng để điều chỉnh bổ sung hoặc loại trừ những nội dung công việc của hợp đồng đã ký.																																									
25	<p><b>Điều 46. Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành</b></p> <p>Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:</p> <table><tr><th>Dự án</th><th>Quan trọng quốc gia</th><th>Nhóm A</th><th>Nhóm B</th><th>Nhóm C</th></tr><tr><td>Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt</td><td>09 tháng</td><td>09 tháng</td><td>06 tháng</td><td>04 tháng</td></tr><tr><td>Thời gian thẩm tra quyết toán</td><td>08 tháng</td><td>08 tháng</td><td>05 tháng</td><td>04 tháng</td></tr><tr><td>Thời gian phê duyệt quyết toán</td><td>01 tháng</td><td>01 tháng</td><td>20 ngày</td><td>15 ngày</td></tr></table> <p>1. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công</p>	Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng	Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	05 tháng	04 tháng	Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày	<p><b>Điều 20. Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án</b></p> <p>Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:</p> <table><tr><th>Dự án</th><th>Quan trọng quốc gia</th><th>Nhóm A</th><th>Nhóm B</th><th>Nhóm C</th></tr><tr><td>Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt</td><td>09 tháng</td><td>09 tháng</td><td>06 tháng</td><td>04 tháng</td></tr><tr><td>Thời gian thẩm tra quyết toán</td><td>08 tháng</td><td>08 tháng</td><td>05 tháng</td><td>04 tháng</td></tr><tr><td>Thời gian phê duyệt quyết toán</td><td>01 tháng</td><td>01 tháng</td><td>20 ngày</td><td>15 ngày</td></tr></table> <p>1. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được</p>	Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng	Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	05 tháng	04 tháng	Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày	Không thay đổi, chỉ bỏ cụm từ “ <i>hoàn thành</i> ” cho phù hợp với tên gọi của dự thảo Nghị định.
Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C																																							
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng																																							
Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	05 tháng	04 tháng																																							
Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày																																							
Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C																																							
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng																																							
Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	05 tháng	04 tháng																																							
Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày																																							

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện dự án đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.</p> <p>2. Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 33 Nghị định này) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.</p> <p>3. Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</p>	<p>ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện dự án đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.</p> <p>2. Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án được tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 6 Nghị định này) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.</p> <p>3. Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án được tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>	
26	<p><b>Điều 47. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm</b></p> <p>1. Số liệu báo cáo năm được tổng hợp từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng</p>	<p><b>Điều 21. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án trong năm</b></p> <p>1. Số liệu báo cáo năm được tổng hợp từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng</p>	<p>Cơ bản không thay đổi; chỉ bỏ cụm từ “<i>hoàn thành</i>” cho phù hợp với tên gọi của dự thảo Nghị định.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>12 năm dương lịch.</p> <p>2. Trước ngày 20 tháng 01 hằng năm, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (là cấp dưới của các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm báo cáo đến cơ quan được các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp báo cáo. Chậm nhất đến hết ngày 28 tháng 02 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính để tổng hợp công khai tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm của cả nước.</p> <p>3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định hiện hành.</p>	<p>12 năm dương lịch.</p> <p>2. Trước ngày 20 tháng 01 hằng năm, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (là cấp dưới của các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo tình hình quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công năm báo cáo đến cơ quan được các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp báo cáo. Chậm nhất đến hết ngày 28 tháng 02 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán của dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính để tổng hợp công khai tình hình quyết toán của dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm của cả nước.</p> <p>3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định hiện hành.</p>	
27	<b>Điều 48. Kiểm tra tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng</b>	<b>Điều 22. Kiểm tra tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án</b>	Điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung chỉ quy định liên



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p><b>vốn đầu tư công</b></p> <p>1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tự kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, dự án theo các nội dung được giao quản lý.</p> <p>2. Cơ quan chủ quản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhà thầu thực hiện dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, tình hình thực hiện công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do đơn vị mình quản lý và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư công và ngân sách nhà nước hiện hành.</p> <p>Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Cơ quan chủ quản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Bộ Tài chính định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong cả nước. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, Bộ Tài chính có ý kiến yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra cơ quan thanh toán về việc chấp hành chế độ thanh toán vốn đầu tư công. Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan tài chính cấp trên để xử lý theo thẩm quyền.</p> <p>4. Bộ Tài chính định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc quản lý, thanh toán và sử dụng vốn đầu tư công, tình hình thực hiện công tác quyết toán theo niên độ, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, Bộ Tài chính có ý kiến yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>		
28	<p><b>Điều 49. Xử lý vi phạm</b></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi trong quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công sai quy định tại Nghị định này bị xử phạt theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị,</p>	<p><b>Điều 23. Xử lý vi phạm</b></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi trong quyết toán vốn đầu tư dự án sai quy định tại Nghị định này bị xử phạt theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm bị xử lý</p>	<p>Điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung chỉ quy định liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhà thầu và cá nhân có hành vi vi phạm quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công: xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính.</p> <p>3. Tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.</p>	<p>kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.</p>	
29	<p><b>Điều 50. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành</b></p> <p>1. Thực hiện công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chế độ, chính sách về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật hiện hành và tại Nghị định này.</p> <p>2. Thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định này. Tổng hợp vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn</p>	<p><b>Điều 24. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán</b></p> <p>1. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp</p> <p>a) Bộ Tài chính giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quyết toán vốn đầu tư dự án. Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án và hướng dẫn các nội dung liên quan. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.</p>	<p>Điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung chi quy định liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn trong nước, vốn nước ngoài) trong phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ trì hướng dẫn và kiểm tra cơ quan thanh toán, chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại Nghị định này. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra cơ quan thanh toán, chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư công, tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý.</p> <p>4. Thực hiện quy định về báo cáo thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công theo quy định hiện hành.</p> <p>5. Yêu cầu cơ quan thanh toán, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước và đầu tư công, bao gồm các tài liệu phục vụ cho công tác</p>	<p>b) Cơ quan tài chính các cấp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyết toán vốn đầu tư dự án thuộc phạm vi quản lý của mình và các đơn vị cấp dưới. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, yêu cầu đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra điều chỉnh lại cho đúng, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Nhiệm vụ của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán</p> <p>a) Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án kịp thời, đầy đủ theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định tại Nghị định này; hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán vốn đầu tư dự án; chịu trách nhiệm về kết quả trực tiếp thẩm tra quyết toán trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.</p> <p>c) Không chịu trách nhiệm về tính chính xác về khối lượng do chủ đầu tư và nhà</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quản lý dự án đầu tư công, bố trí vốn kế hoạch, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu về quyết toán niên độ, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về đầu tư công và Nghị định này.</p> <p>6. Ngoài những nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này, giao Bộ Tài chính:</p> <p>a) Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.</p> <p>b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, yêu cầu đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra điều chỉnh lại cho đúng,</p>	<p>thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn giá trúng thầu ghi trong hợp đồng.</p> <p>d) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, hợp pháp của nội dung chi và giá trị khi đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán từ nguồn chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p> <p>e) Thực hiện quy định về báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.</p> <p>g). Yêu cầu cơ quan thanh toán, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định của pháp luật và Nghị định này.</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>c) Tổ chức thực hiện việc nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc.</p> <p>d) Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán và hướng dẫn các nội dung liên quan.</p> <p>đ) Tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định trong trường hợp đặc biệt cần có quy định khác các quy định tại Nghị định này về hồ sơ của nhiệm vụ, dự án (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán), về cơ chế giải ngân (tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành).</p> <p>e) Hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.</p> <p>7. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm về kết quả trực tiếp thẩm tra quyết toán trên cơ sở hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành do chủ đầu tư cung cấp. Không chịu trách nhiệm về tính chính xác về khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu đã nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn giá trúng thầu đã được người có thẩm quyền quyết định trúng thầu quyết định, chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.</p>		
30	<p><b>Điều 51. Nhiệm vụ của cơ quan thanh toán</b></p> <p>1. Chịu trách nhiệm thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho nhiệm vụ, dự án theo đề nghị của chủ đầu tư trên cơ sở hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Nghị định này. Có ý kiến bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn. Trường hợp phát hiện tài liệu tại hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp trái với quy định hiện hành, cơ quan thanh toán có văn bản</p>	<p><b>Điều 25. Nhiệm vụ của cơ quan thanh toán</b></p> <p>1. Xác nhận, đối chiếu số liệu giải ngân để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư dự án theo đề nghị của chủ đầu tư.</p> <p>2. Thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với nội dung chi quy định liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất; quá thời hạn quy định mà không được trả lời hoặc được trả lời mà thấy chưa phù hợp với quy định hiện hành, cơ quan thanh toán báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan tài chính để xem xét, xử lý.</p> <p>2. Đơn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, công nợ, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện theo dõi số vốn đã tạm ứng để đơn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tất toán tài khoản của các nhiệm vụ, dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định. Được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với quy định quản lý tài chính của nhà nước hiện hành.</p> <p>3. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành.</p>		



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>4. Xác nhận số giải ngân trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng nhiệm vụ, dự án hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý; đối với vốn ngoài nước, cơ quan thanh toán xác nhận theo số liệu đề nghị tạm ứng, thanh toán của chủ đầu tư (chủ dự án) đã được cơ quan thanh toán chấp nhận.</p> <p>5. Hướng dẫn cụ thể quy trình thanh toán trong hệ thống.</p>		
31	<p><b>Điều 52. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan</b></p> <p>1. Kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định.</p> <p>2. Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc</p>	<p><b>Điều 26. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan</b></p> <p>1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định.</p> <p>2. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo đúng thời gian quy định.</p> <p>3. Công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với nội dung chỉ quy định liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quyền quản lý phối hợp với chủ đầu tư xử lý các nội dung còn tồn tại của dự án (nếu có) và hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án trong thời gian 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</p> <p>3. Tổng hợp, theo dõi và báo cáo các nội dung liên quan đến công tác quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại Nghị định này.</p>	<p>4. Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý phối hợp với chủ đầu tư xử lý các nội dung còn tồn tại của dự án (nếu có) và hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án trong thời gian 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>	
32	<p><b>Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thực hiện dự án sử dụng vốn đầu tư công, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</b></p> <p>1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án:</p> <p>a) Thực hiện đúng quy định của pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý; thực hiện đúng quy định của pháp luật về chi đầu tư tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định về các hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán gửi cơ quan thanh toán tại Nghị định này; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối</p>	<p><b>Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu</b></p> <p>1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án:</p> <p>a) Đôn đốc, yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định.</p> <p>b) Lập và quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án, trình phê duyệt quyết toán đúng thời gian quy định tại Điều 20 Nghị định này; cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với nội dung chỉ quy định liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án.</p>

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>tượng, tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về quản lý tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư công theo đúng quy định tại Hợp đồng và quy định tại Nghị định này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá, giá trị đề nghị thanh toán, số liệu, tài liệu cung cấp cho cơ quan thanh toán và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.</p> <p>Đối với kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chủ đầu tư (trong trường hợp trực tiếp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) chịu trách nhiệm về tính chính xác của số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi trả cho từng đối tượng thụ hưởng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính các cấp và cơ quan quyết định đầu tư về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>d) Kiểm tra tình hình quản lý tạm ứng, thanh toán, quyết toán nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công của các nhà thầu để có biện pháp thu hồi ngay những khoản</p>	<p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán về tính chính xác của khối lượng, đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khối lượng, đơn giá trúng thầu do chủ đầu tư phê duyệt; tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán.</p> <p>d) Thu hồi đề nộp về ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán thừa khi dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán có số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, thu hồi số vốn đã tạm ứng theo quy định và chịu trách nhiệm về những khoản tạm ứng quá hạn chưa thu hồi. Thanh toán tiếp cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp theo giá trị quyết toán được phê duyệt khi có kế hoạch vốn trong trường hợp số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán cho nhiệm vụ, dự án.</p> <p>2. Nhà thầu:</p> <p>a) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về hợp đồng khi hoàn thành nội dung</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định. Có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thu hồi đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp được gửi vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn theo quy định tại Luật Đất đai. Chủ trì báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn và thu hồi tạm ứng vốn theo quy định của Nghị định này.</p> <p>đ) Thực hiện kê toán đơn vị chủ đầu tư. Hết năm ngân sách, lập bảng đối chiếu số liệu giải ngân vốn đầu tư công hằng năm đối với từng nhiệm vụ, dự án gửi cơ quan thanh toán nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để xác nhận.</p>	<p>công việc trong hợp đồng; chịu trách nhiệm về số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định.</p> <p>b) Phối hợp với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã giải ngân sai chế độ quy định.</p> <p>c) Chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của người có thẩm quyền.</p> <p>3. Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, có quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.</p>	

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>e) Lập, trình phê duyệt, quản lý hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đúng quy định.</p> <p>g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán về tính chính xác của khối lượng, đơn giá dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khối lượng, đơn giá trúng thầu đã được người có thẩm quyền quyết định trúng thầu quyết định; tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán. Cung cấp kịp thời các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán của dự án khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.</p> <p>h) Thu hồi đề nộp về ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán thừa khi nhiệm vụ, dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán có số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho nhiệm vụ, dự án trong vòng 3 tháng kể từ khi được phê duyệt quyết toán, thu hồi số vốn đã tạm ứng theo quy định và chịu trách nhiệm về những khoản tạm ứng quá hạn chưa thu hồi. Thanh toán tiếp cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp theo giá trị quyết toán được</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>phê duyệt khi có kế hoạch vốn trong trường hợp số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán cho nhiệm vụ, dự án.</p> <p>i) Chủ đầu tư (chủ dự án) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng chứng từ thanh toán chi điện tử do cơ quan thanh toán (Kho bạc Nhà nước) ban hành đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn nước ngoài.</p> <p>2. Nhà thầu:</p> <p>a) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về hợp đồng khi hoàn thành nội dung công việc trong hợp đồng; chịu trách nhiệm về số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định.</p> <p>b) Phối hợp với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã giải ngân sai chế độ quy định.</p> <p>c) Chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của người có thẩm quyền.</p> <p>3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bởi</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <p>a) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của đối tượng thụ hưởng và số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi trả cho từng đối tượng thụ hưởng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá trị đề nghị thanh toán, số liệu, tài liệu cung cấp cho chủ đầu tư, cơ quan thanh toán và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.</p> <p>c) Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng mục đích, đúng đối tượng.</p> <p>d) Có trách nhiệm thu hồi đủ số vốn đã tạm ứng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người được bồi thường, hỗ trợ.</p> <p>đ) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính các cấp và cơ quan quyết định đầu tư về quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>4. Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	viên khi thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, có quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.		
33	<p><b>Điều 54. Xử lý chuyển tiếp</b></p> <p>1. Đối với hồ sơ pháp lý đã gửi cơ quan thanh toán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì cơ quan thanh toán căn cứ các thông tin tương ứng với nội dung thông tin yêu cầu trong hồ sơ pháp lý theo quy định tại Nghị định này để giải ngân cho dự án; chủ đầu tư không phải hoàn thiện gửi lại hồ sơ pháp lý theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, trường hợp có thay đổi nội dung thông tin làm căn cứ giải ngân nêu trên thì chủ đầu tư bổ sung, cập nhật theo quy định tại Nghị định này. Các thủ tục tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Các quy định về quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm</p>	<p><b>Điều 28. Xử lý chuyển tiếp</b></p> <p>1. Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập sử dụng vốn đầu tư công đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các hợp đồng kiểm toán độc lập đã ký trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>2. Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A-B) đã được chủ đầu tư và nhà thầu ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì không phải lập lại, ký lại quyết toán A-B theo quy định tại Nghị định này.</p>	Bổ sung quy định về quyết toán A-B đã ký trước ngày Nghị định có hiệu lực thì không phải ký lại theo quy định tại Nghị định này, để đơn giản bớt thủ tục.



STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>ngân sách tại Mục 1 Chương III Nghị định này được áp dụng từ quyết toán niên độ ngân sách năm 2025.</p> <p>3. Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập sử dụng vốn đầu tư công đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các hợp đồng kiểm toán độc lập đã ký trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p> <p>4. Đối với trường hợp hồ sơ nhận theo phương thức điện tử, cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công cấp bộ tiếp tục vận hành theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đóng giao diện trước ngày 01 tháng 3 năm 2026. Từ ngày 01 tháng 3 năm 2026, cá nhân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	trên Công Dịch vụ công quốc gia.		
34	<b>Điều 55. Tổ chức thực hiện</b> Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	<b>Điều 29. Tổ chức thực hiện</b> Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	Không thay đổi
35	<b>Điều 56. Hiệu lực thi hành</b> 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. 2. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây: a) Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, trừ một số trường hợp thực hiện theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định tại Điều 54 Nghị định này. b) Điều 6 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ		Bãi bỏ các quy định tại các Nghị định khác cho phù hợp với nội dung dự thảo Nghị định.

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.</p>		
	<b>Thông tư số 27/2025/TT-BTC</b>		
1	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư, nhiệm vụ (dự án hoặc chỉ phí) chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch (sau đây gọi chung là dự án) sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết định đầu tư.</p> <p>Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công, bao gồm: Dự án sử dụng vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước, dự án của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước; dự</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>án sử dụng vốn vay do Chính phủ bảo lãnh theo Luật Quản lý nợ công; dự án của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; dự án sử dụng vốn nhà nước khác theo quy định pháp luật có liên quan; trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn.</p> <p>3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể áp dụng quy định tại Thông tư này để lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này (trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư) và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</p>		
2	<p><b>Điều 2. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành</b></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>vi điều chỉnh và đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này áp dụng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán để thực hiện các nội dung, công việc liên quan đến quyết toán vốn đầu tư sau khi dự án hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn.</p> <p>2. Các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này không phải Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trong năm theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.</p>		
3	<p><b>Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp</b></p> <p>1. Dự án đã nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì các nội dung, công việc liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của dự án tiếp tục thực hiện theo văn bản quy định</p>		

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư xây dựng	Giải trình
	<p>của người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư.</p> <p>2. Dự án đã được thẩm tra hoặc đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo văn bản quy định của người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư thì không phải thẩm tra, phê duyệt lại theo quy định tại Thông tư này.</p>		
4	<p><b>Điều 4. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.</p> <p>2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.</p>		

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định về quy định quyết toán vốn đầu tư dự án. Kết quả như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**

**1. Bối cảnh xây dựng Nghị định**

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đặt ra một trong năm nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV: “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”. Đồng thời, Đại hội đã xác định một trong các đột phá chiến lược cần tập trung trong nhiệm kỳ: “Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực trở thành lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí tuân thủ của Nhân dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương”.

- Ngày 6/1/2026, tại Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung triển khai nhiệm vụ: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ

*cương, phù hợp với các cam kết quốc tế. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh”.*

- Ngày 18/11/2024, tại văn bản số 108-KL/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng, Tổng bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo phải đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy và quy trình xây dựng pháp luật. Trong đó, tư duy xây dựng pháp luật phải chuyển đổi theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, phải phản ánh hơi thở thực tiễn, bám sát, giải quyết vấn đề thực tiễn. Đối với quy trình xây dựng pháp luật phải đảm bảo dân chủ, minh bạch, kịp thời, khả thi, hiệu quả, để áp dụng trên thực tế, tiết kiệm thời gian, nâng cao “*năng suất và chất lượng*” xây dựng pháp luật.

- Ngày 25/10/2024, tại công văn số 868/TTg-TKBT, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật, chính sách đáp ứng và bám sát yêu cầu thực tiễn, xây dựng các quy định pháp luật phù hợp vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không nóng vội để mất thời cơ; thường xuyên đánh giá hiệu quả chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập mâu thuẫn; chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “*điểm nghẽn*” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật.

- Tại điểm 3.2 Điều 3 Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Quốc hội chỉ đạo: “*Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*”.

- Tại điểm 1 Mục II Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp: “*Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh*”.

- Tại điểm b mục 1 phần I của Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu: “*Thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương trong việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ,*



*Luật Tổ chức chính quyền địa phương; chủ động đề xuất các lĩnh vực ưu tiên, cấp bách để đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.*

Do vậy, việc rà soát lại các quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định và đánh giá tác động của thủ tục hành chính (nếu có) là cần thiết.

## **2. Mục đích, yêu cầu đánh giá**

Đảm bảo nguyên tắc chỉ ban hành hoặc duy trì các thủ tục hành chính thực sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp nhất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; giảm gánh nặng hành chính và duy trì tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng nguồn lực xã hội và thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

## **II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

### **1. Đánh giá thủ tục hành chính**

- Số lượng thủ tục hành chính: 01.
- Tên thủ tục hành chính: Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án.
- Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.
- Bộ Tài chính đã thực hiện đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Biểu đánh giá gửi kèm theo báo cáo này).

### **2. Việc phân quyền, phân cấp**

Việc phân quyền, phân cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính phủ, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.

### **3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### **4. Việc bảo đảm bình đẳng giới**

Dự thảo Nghị định không tạo nguy cơ xảy ra bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử thiếu công bằng đối với nữ giới, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Các chính sách và quy định tại dự thảo Nghị định tác động tới mọi đối tượng trong toàn xã hội, tạo điều kiện cho mọi đối tượng từ công dân, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Quá trình xây dựng Nghị định đã bám sát các quy định của pháp luật bình đẳng giới, lồng ghép các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

### **5. Việc thực hiện chính sách dân tộc**

Dự thảo Nghị định không có quy định ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của dân tộc; bình đẳng giữa các dân tộc; các điều kiện bảo đảm phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc; xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; giải quyết các vấn đề đất đai, bảo vệ tài nguyên... Các quy định được áp dụng thống nhất trên toàn lãnh thổ Việt Nam./.

Grabov\_Muc\_Thưđien\_VinhChien\_20220126141433

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo văn bản

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu số 02/ĐGTD-SĐBS

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự thảo: Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án.  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1. Khoản 2 Điều 13 Luật Ngân sách nhà nước quy định: <i>Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ.</i>
	2. Khoản 2 Điều 27 Luật Ngân sách nhà nước quy định: <i>Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính - ngân sách, pháp luật về kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước.</i>
	2. Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong công tác quyết toán như sau: <i>Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</i>
	3. Khoản 2 Điều 79 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 quy định: <i>Dự án, công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng hoặc dừng chủ trương đầu tư hoặc tạm ngừng, hủy bỏ thực hiện dự án theo văn bản của người có thẩm quyền thì phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng.</i>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

	Nêu rõ lý do: .....
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo .....</p> <p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo .....</p> <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành: .....</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo .....	
<b>III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> (Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)	
<b>1. Tên thủ tục hành chính</b>	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
<b>2. Trình tự thực hiện</b>	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: ..... ..... Lý do quy định: ..... .....

	<p>- Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....</p> <p>.....</p>
<b>3. Cách thức thực hiện</b>	
<p>a) Nộp hồ sơ:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>b) Nhận kết quả:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p>	<p>- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Thủ tục được thực hiện thông qua thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền và chủ đầu tư: có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi bản điện tử đến cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: .....</p> <p>.....</p>
<b>4. Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	
<p>a) Tên thành phần hồ sơ 1: Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của chủ đầu tư (Bản chính)</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Để tạo thuận lợi, giảm thiểu thời gian cho người thực hiện thủ tục hành chính.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Bản chính.</p> <p>Lý do quy định: Đơn giản hóa tối đa cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục</p>
<p>b) Tên thành phần hồ sơ 2: Mẫu biểu báo cáo quyết toán</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo việc kiểm soát đúng với Hồ sơ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Bản chính</p> <p>- Lý do quy định: Đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.</p>

<p>c) Tên thành phần hồ sơ 3: Các văn bản pháp lý có liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo việc kiểm soát đúng thông tin dự án.</li> <li>- Yêu cầu về hình thức: 01 Bản sao có đóng dấu sao y bản chính</li> <li>- Lý do quy định: Đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.</li> </ul>
<p>d) Tên thành phần hồ sơ 4: Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo việc kiểm soát chi phí của toàn bộ dự án.</li> <li>- Yêu cầu về hình thức: 01 Bản sao có đóng dấu sao y bản chính</li> <li>- Lý do quy định: Đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.</li> </ul>
<p>đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (nếu có)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo việc kiểm soát khối lượng của toàn bộ dự án.</li> <li>- Yêu cầu về hình thức: 01 Bản sao có đóng dấu sao y bản chính</li> <li>- Lý do quy định: Đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.</li> </ul>
<p>e) Tên thành phần hồ sơ 6: Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo việc kiểm soát vốn theo đúng với kết luận của cơ quan kiểm toán.</li> <li>- Yêu cầu về hình thức: 01 Bản sao có đóng dấu sao y bản chính</li> <li>- Lý do quy định: Đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.</li> </ul>
<p>g) Tên thành phần hồ sơ 7: Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra,</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo việc kiểm soát vốn theo đúng với kết luận của cơ quan chuyên môn.</li> <li>- Yêu cầu về hình thức: 01 Bản sao có đóng dấu sao y bản chính</li> <li>- Lý do quy định: Đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.</li> </ul>

kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.	
h) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: ..... ..... ..... ..... .....
i) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán cũng là thủ trưởng của cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán thì chỉ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.
<b>5. Thời hạn giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án được tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 6 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày /5/2026 của Chính phủ) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán Lý do quy định: .....
b) Trong trường hợp một thủ tục hành	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>



chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Lý do quy định: ..... .....
<b>6. Đối tượng thực hiện</b>	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Đối với thủ tục này chỉ áp dụng cho chủ đầu tư thực hiện thủ tục. Lý do quy định: Chỉ các chủ đầu tư thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công) mới đáp ứng được đầy đủ quy định để thực hiện thủ tục. - Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: ..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: .....
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: .....	

<b>7. Cơ quan giải quyết</b>	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: .....
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật về tổ chức chính phủ, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và các pháp luật có liên quan.
<b>8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)</b>	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác: ..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: .....

b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nội dung quy định: ..... Lý do quy định: .....
<b>9. Mẫu đơn, tờ khai</b>	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: .....
b) Tên tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Lý do quy định: ..... + Nội dung thông tin 2: ..... Lý do quy định: ..... - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ..... ..... Lý do quy định: .....
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt <input type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): .....
<b>10. Yêu cầu, điều kiện</b>	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: .....

<p>a) Yêu cầu, điều kiện :</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- Lý do quy định: .....</p> <p>.....</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>.....</p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nêu rõ): .....</p> <p>.....</p>
<p><b>11. Kết quả thực hiện</b></p>	
<p>a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?</p>	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p> <p>- Thẻ <input type="checkbox"/></p> <p>- Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/></p> <p>- Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: .....</p> <p>.....</p> <p>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p>
<p>b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: .....</p>

c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ..... tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính là kết quả quyết toán vốn đầu tư công trình. Vì vậy, không quy định về hiệu lực của thủ tục hành chính.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: ..... .....
<b>III. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	
Họ và tên người điền: ..... Điện thoại cố định: .....; Di động: ..... E-mail: .....	

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO**

**Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Kết quả rà soát như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**

**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

Việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Nghị định với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các định hướng lớn của Đảng về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phát hiện, xử lý những nội dung chồng chéo hoặc không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật khác, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

**a) Phạm vi rà soát**

Thực hiện rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định.

**b) Nội dung rà soát**

- Rà soát các quy định trong dự thảo Nghị định nhằm phát hiện các quy định chưa phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng; các quy định chưa phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo với quy định tại các luật, nghị định, nghị quyết và các văn bản liên quan;

- Rà soát, phát hiện các quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển trong thực tế như:

+ Quy định không cụ thể, không rõ ràng, dẫn đến các cách hiểu khác nhau hoặc không thể thực hiện được trên thực tế;

+ Quy định điều kiện, thủ tục hành chính không cần thiết, không đúng quy định pháp luật;

+ Một phần hoặc toàn bộ văn bản không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có cơ sở pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các quy định không còn phù hợp với thực tiễn (căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội; chủ trương, đường lối, chính sách phát triển về lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật; thông qua theo dõi quản lý nhà nước và tiếp nhận thông tin, phản ánh từ cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan);

+ Quan hệ xã hội cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoặc quan hệ xã hội cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn.

#### *c) Đối tượng rà soát*

Các quy định của dự thảo Nghị định.

## **II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

### **1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định**

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách cụ thể như sau:

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đặt ra một trong năm nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV: *“Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”*. Đồng thời, Đại hội đã xác định một trong các đột phá chiến lược cần tập trung trong nhiệm kỳ: *“Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực trở thành lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí tuân thủ của Nhân dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương”*.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nêu các nhiệm vụ và giải pháp như sau: *“Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước”*; *“tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...”*.

- Ngày 6/1/2026, tại Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung triển khai nhiệm vụ: *“Hoàn thiện hệ thống*

pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh”.

- Ngày 18/11/2024, tại văn bản số 108-KL/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng, Tổng bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo phải đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy và quy trình xây dựng pháp luật. Trong đó, tư duy xây dựng pháp luật phải chuyển đổi theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, phải phản ánh hơi thở thực tiễn, bám sát, giải quyết vấn đề thực tiễn. Đối với quy trình xây dựng pháp luật phải đảm bảo dân chủ, minh bạch, kịp thời, khả thi, hiệu quả, để áp dụng trên thực tế, tiết kiệm thời gian, nâng cao “*năng suất và chất lượng*” xây dựng pháp luật.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: “*Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm thủ tục hành chính, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành*”.

Qua rà soát, các quy định tại dự thảo Nghị định đều phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng tại 05 văn bản (nêu trên).

## **2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định**

Qua rà soát, Bộ Tài chính xác định được một số văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến dự thảo Nghị định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng, đầu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai (Danh mục văn bản quy phạm pháp luật được rà soát theo Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

### **2.1. Kết quả chung**

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định: Qua rà soát đã xác định được có 03 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các văn bản sau: 03 Luật.

### **2.2. Kết quả cụ thể**

Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy nội dung dự thảo Nghị định thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cụ thể như sau:

#### **a) Về tính thống nhất, đồng bộ**

Tính nhất quán, đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật về quyết toán vốn đầu tư dự án là khá cao. Dự thảo Nghị định được xây dựng bảo đảm tính thống nhất pháp lý theo trình tự hiệu lực của đạo luật gốc là Hiến pháp, sau đó là các luật, nghị định, nghị quyết có liên quan.



Kết quả rà soát Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng... cho thấy dự thảo Nghị định không có điều, khoản nào mâu thuẫn với Hiến pháp; không mâu thuẫn với các luật có liên quan; đảm bảo tính đồng bộ theo các quy định chung và phù hợp với những đặc thù trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b) Về tính phù hợp, khả thi

Nội dung dự thảo Nghị định cơ bản bảo đảm tính phù hợp, khả thi và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Đồng thời, để đáp ứng với tính hình phát triển kinh tế - xã hội, nội dung dự thảo Nghị định sẽ giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

c) Kiến nghị, đề xuất

Từ đánh giá kết quả rà soát của Báo cáo, Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ thông qua nội dung dự thảo Nghị định.

### **3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định**

Nội dung dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP để phù hợp với các quy định được ban hành tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và giải quyết các vướng mắc trong thực tế. Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với phạm vi hướng dẫn được Quốc hội giao (không có nội dung hướng dẫn ngoài phạm vi được giao) và phù hợp với quy định của các luật liên quan.

Qua rà soát các Điều ước quốc tế cũng như cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia, các nội dung dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp, tính tương thích với các điều ước quốc tế cũng như cam kết quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc tham gia.

Trên đây là kết quả rà soát của Bộ Tài chính./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, PTHT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Thành Trung**

## Phụ lục

### 1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đặt ra một trong năm nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV: “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”. Đồng thời, Đại hội đã xác định một trong các đột phá chiến lược cần tập trung trong nhiệm kỳ: “Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực trở thành lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí tuân thủ của Nhân dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương”</p>	<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo đã quán triệt và thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Đại hội trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định.</p>	<p>Đã được thể chế hóa đầy đủ</p>	

<p>Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 về phát triển kinh tế nhà nước, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung triển khai nhiệm vụ: “<i>Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh</i>”</p>			
<p>Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: “<i>Phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền nhưng không được đặt thêm thủ tục hành chính, phát sinh thêm giấy phép con so với hiện hành</i>”.</p>	<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo đã quán triệt và thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Bộ Chính trị trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ</p>	
<p>Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ: “<i>Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu... Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động</i></p>	<p>Cơ quan chủ trì soạn thảo đã quán triệt và thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Bộ Chính trị trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định.</p>	<p>Đã thể chế hóa đầy đủ</p>	

- Tại điểm 3.2 Điều 3 Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Quốc hội chỉ đạo: <i>“Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”</i> .	Cơ quan chủ trì soạn thảo đã quán triệt và thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Bộ Chính trị trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định	Đã thể chế hóa đầy đủ	
--	---	-----------------------	--

## 2. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ, toàn diện và thống nhất trong việc quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công).	<p>- Khoản 2 Điều 13<sup>1</sup> Luật Ngân sách nhà nước quy định: <i>Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ.</i></p> <p>- Khoản 2 Điều 27<sup>2</sup> Luật Ngân sách nhà nước quy định: <i>Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính - ngân sách, pháp luật về kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà</i></p>	Các nội dung hướng dẫn đảm bảo đúng các nhiệm vụ được giao, phù hợp với các quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15), Luật Xây dựng	

<sup>1</sup> Kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

<sup>2</sup> Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính.

<p><i>kyinhgv_Mao Tinh Vinh</i>  <i>24/02/2026 11:4:58:55</i></p>	<p><i>nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước.</i></p> <p><i>- Điều 7<sup>3</sup> Luật số 90/2025/QH15 quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong công tác quyết toán như sau: Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy định về quản lý, thanh toán, <b>quyết toán</b> dự án sử dụng vốn đầu tư công.</i></p> <p><i>- Khoản 2 Điều 79 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 quy định: Dự án, công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng hoặc dừng chủ trương đầu tư hoặc tạm ngừng, hủy bỏ thực hiện dự án theo văn bản của người có thẩm quyền thì phải thực hiện <b>quyết toán</b> vốn đầu tư xây dựng.</i></p>		
---	--	--	--

<sup>3</sup> Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công.